

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN:

**XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN
“NGHỆ CHÍ TÂN – KHOÁI CHÂU” DÙNG CHO CÁC SẢN PHẨM LIÊN
QUAN ĐẾN NGHỆ CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**
(Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng nghiệp thu ngày 25/10/2018)

Cơ quan quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên
Đơn vị chủ trì: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt (IPASPRO)

HÀ NỘI – 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

DỰ ÁN:

**XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN
“NGHỆ CHÍ TÂN – KHOÁI CHÂU” DÙNG CHO CÁC SẢN PHẨM LIÊN
QUAN ĐẾN NGHỆ CỦA HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ VIỆT

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Lê Kinh Hải

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của dự án.....	1
2. Căn cứ xây dựng và thực hiện dự án.....	2
2.1. Căn cứ pháp lý.....	2
2.2. Các căn cứ khác.....	3
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN.....	5
1. Tên dự án.....	5
2. Thời gian thực hiện dự án được phê duyệt: 22 tháng (03/2017 – 12/2018).....	5
3. Cấp quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.....	5
4. Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án.....	5
5. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án.....	5
6. Kinh phí thực hiện: 800.000.000 đồng.....	5
7. Mục tiêu của dự án.....	5
7.1. Mục tiêu chung.....	5
7.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
8. Nội dung của dự án.....	6
8.1. Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân – Khoái Châu.....	6
8.1.1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất và kinh doanh nghệ Chí Tân – Khoái Châu....	6
8.1.2. Xác định và thống nhất tổ chức đứng tên đăng ký NHCN và tổ chức quản lý việc sử dụng NHCN.....	6
8.1.4. Xác định tiêu chí cần chứng nhận của sản phẩm "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”	7
8.1.5. Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng NHCN.....	7
8.1.6. Xác định bản đồ vùng địa lý sản phẩm mang nhãn NHCN “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.....	8
8.1.7. Xin phép sử dụng tên địa danh "Chí Tân – Khoái Châu" để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận tại cục Sở hữu trí tuệ;.....	8
Xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cho sử dụng địa danh để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận tại cục Sở hữu trí tuệ theo quy định.....	8
8.1.8. Lập Hồ sơ đơn đăng ký NHCN, nộp đơn và theo dõi đơn.....	8
8.2. Quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.....	8
8.2.1. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”.....	8
8.2.2. Xây dựng và ban hành các công cụ phục vụ công tác quản lý, phát triển NHCN	8
8.3. Phát triển, khai thác nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu".....	9
8.3.1. Xây dựng hệ thống phương tiện, điều kiện quảng bá, khai thác giá trị NHCN....	9
8.4. Tập huấn cho các đối tượng có liên quan.....	9
9. Các sản phẩm của dự án.....	10
PHẦN II: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	12
1. Cơ quan quản lý dự án.....	12

2. Cơ quan chủ trì dự án.....	12
3. Phối hợp thực hiện dự án.....	12
3.1. Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu.....	12
3.2. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.....	13
3.3. Các cơ quan chuyên môn.....	13
3.4. Ủy ban nhân dân các xã, người dân hưởng lợi của dự án.....	13
4. Tình hình thực hiện dự án.....	13
4.1. Công tác tổ chức thực hiện dự án.....	13
4.2. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án.....	15
4.2.1. Môi trường pháp lý.....	15
4.2.2. Quản lý dự án.....	15
4.2.3. Những thuận lợi, khó khăn và các biện pháp khắc phục.....	16
PHẦN III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	19
I. Nội dung công việc đã thực hiện.....	19
1. Kết quả thực hiện nội dung xác lập quyền đối với NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"	19
1.1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu	19
1.2. Thống nhất chủ sở hữu NHCN.....	20
1.3. Thiết kế, lựa chọn mẫu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.....	20
1.4. Tạo lập các tiêu chí chứng nhận cho sản phẩm.....	21
1.5. Xác định bản đồ địa lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.....	25
1.6. Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu".....	26
1.7. Thiết lập bộ máy Tổ chức chứng nhận.....	27
2. Kết quả thực hiện nội dung quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.....	31
2.1. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" 31	
2.2. Xây dựng và hoàn thiện các công cụ để quản lý và kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.....	31
2.2.1. Xây dựng và ban hành Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".....	31
2.2.2. Xây dựng và ban hành Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.....	32
2.2.3. Xây dựng Quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.....	32
2.2.4. Xây dựng chuyên đề hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ và Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu mang nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".....	33

2.2.5. Vận hành hệ thống quản lý nhãn hiệu chứng nhận.....	35
3. Kết quả thực hiện nội dung phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”.....	36
3.1. Xây dựng nội dung các phương tiện quảng bá Nghệ Chí Tân - Khoái Châu mang nhãn hiệu chứng nhận.....	36
3.1.1. Thiết kế nội dung các phương tiện quảng bá truyền thông cho sản phẩm.....	36
3.1.2. Thiết kế nội dung cho các chương trình truyền thông quảng bá sản phẩm.....	38
3.1.3. Thiết kế Xây dựng website quảng bá và giới thiệu sản phẩm.....	38
4. Kết quả về nội dung tổ chức tập huấn, tăng cường năng lực cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.....	40
II. Phương án triển khai đã được áp dụng trong dự án.....	40
1. Phương án tổ chức.....	40
2. Phương án chuyên môn.....	40
3. Phương án về tài chính.....	40
III. Các kết quả đạt được.....	41
1. Kết quả chung.....	41
2. Kết quả cụ thể.....	41
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ.....	43
1. Về công tác tổ chức chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện dự án.....	43
1.1. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án.....	43
1.2. Các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện dự án.....	43
2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cụ thể của dự án.....	43
3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội.....	48
3.1. Hiệu quả kinh tế.....	48
3.2. Hiệu quả xã hội.....	49
3.3. Tác động đối với người dân.....	50
4. Tính bền vững.....	51
PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	52
1. Kết luận.....	52
2. Kiến nghị.....	52
PHỤ LỤC 1:.....	54
PHỤ LỤC 2:.....	67
PHỤ LỤC 3:.....	76
PHỤ LỤC 4:.....	81

DANH MỤC CÁC HÌNH MINH HỌA

Hình 1. Mô hình quản lý nhãn hiệu cộng đồng (FAO).....	7
Hình 2: Tập huấn tập cho bà con tại địa phương trong khuôn khổ dự án.....	9
Hình 3: Một số phương án thiết kế mẫu nhãn hiệu.....	20
Hình 4: Mẫu biểu tượng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân – Khoái Châu...	21
Hình 5: Bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”	25
Hình 6: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”	30
Hình 7: Một số mẫu tem và tem chống hàng giả cho sản phẩm.....	36
Hình 8: Poster, standee quảng bá sản phẩm.....	36
Hình 9: Tờ rơi giới thiệu sản phẩm.....	37
Hình 10: Một số mẫu bao bì sản phẩm.....	37
Hình 11: Túi nilon đựng sản phẩm.....	38
Hình 12: Giao diện chính của website.....	39
Hình 13: Biển quảng cáo ngoài trời được lắp đặt trên địa bàn xã Chí Tân.....	39

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức thực hiện dự án.....	14
Sơ đồ 2: Mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận.....	29

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Các sản phẩm của dự án.....	10
Bảng 2: Tiêu chí cảm quan sản phẩm củ nghệ tươi.....	22
Bảng 3: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm củ nghệ tươi.....	22
Bảng 4: Tiêu chí cảm quan sản phẩm củ nghệ khô.....	22
Bảng 5: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm củ nghệ khô.....	23
Bảng 6: Tiêu chí cảm quan sản phẩm bột nghệ khô.....	23
Bảng 7: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm bột nghệ khô.....	23
Bảng 8: Tiêu chí cảm quan sản phẩm tinh bột nghệ khô.....	24
Bảng 9: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm tinh bột nghệ khô.....	24
Bảng 10: Tóm tắt nội dung quy chế quản lý và sử dụng NHCN nghệ Chí Tân – Khoái Châu.....	26
Bảng 11: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức chứng nhận.....	27
Bảng 12: Tóm tắt nội dung chính quy trình cấp và thu hồi.....	31
Bảng 13: Tóm tắt nội dung chính quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm.....	32
Bảng 14: Tóm tắt nội dung chính quy chế sử dụng tem nhãn cho sản phẩm.....	33
Bảng 15: Tóm tắt nội dung Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ.....	34
Bảng 16: Tóm tắt nội dung Quy trình nhân giống, trồng, thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu.....	34
Bảng 17: Các hộ dân đã được xem xét để UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.....	35
Bảng 18: Thực hiện nội dung truyền thông cho sản phẩm.....	38
Bảng 19: Nội dung tập huấn đã được tổ chức.....	40
Bảng 20: Tổng hợp các kết quả đã hoàn thành của dự án.....	41
Bảng 21: Tổng hợp mức độ hoàn thành các mục tiêu của dự án.....	43

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

NHCN	Nhãn hiệu chứng nhận
UBND	Ủy ban nhân dân
KH&CN	Khoa học và công nghệ
SHTT	Sở hữu trí tuệ
TCCN	Tổ chức chứng nhận
KT&HT	Kinh tế và hạ tầng
NNPTNT	Nông nghiệp phát triển nông thôn

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của dự án

Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên có nghề trồng nghệ từ 40 - 50 năm nay, giống nghệ trồng ở đất Chí Tân ngoài đặc tính cho năng suất cao, ổn định còn có hàm lượng dược tính cao hơn nhiều so với nghệ trồng ở các vùng khác.

Ngoài địa bàn xã Chí Tân, một số xã khác ở Khoái Châu cũng có diện tích trồng nghệ đỏ nhưng với diện tích ít hơn và không tập trung, đây là các xã ven sông Hồng, có diện tích đất phù sa được bồi hàng năm: xã Thuận Hưng, Thành Công, Đại Tập, Nhuế Dương...

Với lợi thế về thổ nhưỡng, điều kiện tự nhiên, kinh nghiệm sản xuất, cây nghệ nơi đây có năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Hiện nay tại huyện Khoái Châu có khoảng 200ha nghệ đỏ và gần 10ha nghệ đen cùng với 5 cơ sở sản xuất bột nghệ và tinh bột nghệ cung cấp thị trường trong nước và xuất khẩu, trong đó riêng xã Chí Tân có diện tích trồng nghệ trên 100 ha. Theo người dân cho biết sản lượng ổn định đã mang lại hiệu quả kinh tế cao trung bình thu nhập từ 450 đến 500 triệu đồng trên 01 ha.

Giống nghệ đang được trồng ở xã Chí Tân và huyện Khoái Châu là giống nghệ đỏ được trồng phổ biến ở miền Bắc, còn gọi là nghệ nếp hay nghệ ta. Sự khác biệt của sản phẩm nghệ Chí Tân so với các nơi khác được tạo nên từ quy trình kỹ thuật canh tác, chăm sóc, sơ chế và bảo quản nghệ của người dân nơi đây. Hiếm có vùng trồng nghệ nào ở miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung, người dân tâm huyết và đầu tư công sức vào cây nghệ nhiều như ở Chí Tân, Khoái Châu. Từ khâu chọn giống để gieo trồng, người dân nơi đây đã sử dụng hình thức và loại củ giống khác với nhiều nơi khác, lượng giống sử dụng trên 1 đơn vị diện tích cao hơn từ 5 – 10 lần thông thường. Người dân cũng hạn chế sử dụng các loại phân bón vô cơ, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, tro bếp, phân chuồng để sử dụng cho cây nghệ, thậm chí sử dụng số lượng lớn và rải làm nhiều lần. Vì vậy, chất lượng nghệ Chí Tân – Khoái Châu cũng được đánh giá cao hơn nhiều loại nghệ khác, không chỉ đối với giống nghệ đỏ mà còn cả giống nghệ vàng và nghệ đen cũng được đánh giá tốt hơn.

Bên cạnh đó, nghệ được trồng ở Chí Tân được nhiều người tiêu dùng đánh giá cao bởi chất lượng sản phẩm tốt, thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng với các loại sản phẩm được làm từ nghệ như nghệ củ tươi, nghệ củ khô, bột nghệ và tinh bột nghệ. Đặc biệt, sản phẩm nghệ của xã Chí Tân đã và đang được xuất khẩu đến một số nước và vùng lãnh thổ như: Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc...

Năm 2013, Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam là đơn vị đầu tiên ở nước ta nghiên cứu và sản xuất thành công Nano Curcumin - đây được coi là bước đột phá mới trong y học hiện đại, là hoạt chất tiêu biểu nhất cho thế hệ các chất chống ung thư mới ở Việt Nam. Chính vì vậy, kết quả khảo nghiệm chất lượng nghệ tại Khoái Châu, đã mở ra một hướng đi mới, bền vững, không chỉ giúp nhiều hộ dân nơi đây phát triển kinh tế, mà còn giúp nhiều người bệnh có thể được tiếp cận với nguồn nguyên liệu dược phẩm có hàm lượng curcumin cao.

Nghệ là cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, là giải pháp làm giàu cho những người nông dân ở huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên bên cạnh các cây trồng khác. Chí Tân là vùng trồng nghệ truyền thống nổi tiếng ở Hưng Yên, tuy nhiên việc xây dựng thương hiệu cho cây nghệ vẫn còn nhiều khó khăn. Người trồng nghệ phải tự tìm đầu ra, giá cả thu mua phụ thuộc nhiều vào lái buôn dẫn đến tình trạng hạ giá hoặc ép giá. Nghiêm trọng hơn, những năm gần đây tên nghệ Chí Tân thường bị lạm dụng cho cả những loại nghệ khác, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín chất lượng của các sản phẩm. Lý do của thực trạng này là nghệ Chí Tân chưa được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu. Cũng như chuối tiêu hồng Khoái Châu, nhãn lồng Hưng Yên, gà Đông Tảo là một trong những sản phẩm nổi tiếng của tỉnh Hưng Yên. Đây là sản phẩm gắn liền với địa danh mà chỉ sản xuất ở nơi đó mới có đầy đủ đặc tính về chất lượng. Trong khi một số nông sản nói trên đã được đăng ký bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu thì nghệ Chí Tân vẫn chưa có thương hiệu cho riêng mình.

Với tình hình thực tế về sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu như trên thì việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu chứng nhận nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm là một việc làm hết sức cần thiết.

Căn cứ vào vai trò và yêu cầu của các loại nhãn hiệu (tập thể, chứng nhận, chỉ dẫn địa lý,...), thực trạng của sản xuất, chế biến, kinh doanh và khai thác nhãn hiệu đối với các sản phẩm liên quan đến nghệ hiện có tại huyện Khoái Châu, việc xây dựng Nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) là cần thiết và phù hợp nhất.

NHCN là cơ sở hợp tác có lợi giữa các tác nhân trong ngành hàng sản xuất tương tự, tăng khả năng nhận biết và xây dựng danh tiếng cho sản phẩm. Nó chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu của huyện Khoái Châu đáp ứng được những tiêu chuẩn nhất định. Người tiêu dùng được chỉ dẫn rằng sản phẩm đã được kiểm nghiệm bởi một tổ chức có thẩm quyền và đáp ứng những yêu cầu cần thiết.

Năm 2017, UBND tỉnh Hưng Yên đã giao Sở Khoa học và Công nghệ cùng UBND huyện Khoái Châu tìm giải pháp xây dựng và phát triển thương hiệu Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, trên cơ sở đó Sở KH&CN tuyển chọn và giao cho Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt (IPASPRO – một tổ chức đại diện về sở hữu công nghiệp) chủ trì thực hiện. Việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” sẽ nâng cao vị thế và giá trị sản phẩm mang thương hiệu Chí Tân – Khoái Châu, góp phần tích cực trọng việc khắc phục nạn hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng và bảo vệ người tiêu dùng ngày tốt hơn.

2. Căn cứ xây dựng và thực hiện dự án

2.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

- Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 22/04/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng Ngân sách nhà nước;

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 30/12/2015 quy định khoản chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- Căn cứ Quyết định số 2260/QĐ-UBND, ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt chiến lược phát triển khoa học Công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 – 2025;

- Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 27/6/2016 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng 2030;

- Căn cứ Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định, định mức, xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

- Quyết định số 1349/QĐ-UBND, ngày 25/07/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 – 2015 định hướng 2020;

- Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2017 tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 580/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 02 năm 2018, của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kế hoạch Khoa học và Công nghệ năm 2018 của tỉnh Hưng Yên;

2.2. Các căn cứ khác

- Căn cứ nhu cầu thực tế và kết quả thực hiện dự án.

- NHCN là nhãn hiệu mà chủ sở hữu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa của mình... để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu..., cách thức sản xuất..., chất lượng, độ chính xác, độ an toàn... của hàng hoá mang nhãn hiệu đó (*Điều 4 – Luật SHTT*).

NHCN nhằm đảm bảo rằng Nghệ Chí Tân - Khoái Châu của huyện Khoái Châu có được các tiêu chí chung như sau: 1) Chất lượng rõ ràng và được chứng nhận; 2) Thông tin về xuất xứ hàng hóa; 3) Yêu cầu về chất lượng nguyên liệu chế biến; 4) Yêu cầu về quy trình kỹ thuật sản xuất và sơ chế các sản phẩm liên

quan đến nghệ... Vì vậy, cần phải xây dựng các tiêu chí chứng nhận chung của sản phẩm.

- Chủ sở hữu NHCN và Tổ chức chứng nhận được xác định theo *Điều 87 – Luật SHTT*.

a) Tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký nhãn hiệu dùng cho hàng hoá do mình sản xuất..., hoặc do mình cung cấp;

b) Tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính, nguồn gốc hoặc tiêu chí khác liên quan đến hàng hoá, có quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận với điều kiện không tiến hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá...

Theo Điều 124 – Luật SHTT, TCCN có các quyền sau:

a) Gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;

b) Lưu thông ..., quảng cáo để bán ... hàng hoá mang nhãn hiệu được bảo hộ...; Căn cứ vào thực tiễn của địa phương, Tổ chức chứng nhận NHCN sẽ giao cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Khoái Châu

- NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” được xây dựng dựa theo *Điều 72 – Luật SHTT*, phải đảm bảo các yếu tố sau:

a) Dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh..., hoặc kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;

b) Có khả năng phân biệt hàng hoá của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá của chủ thể khác.

- Quy chế sử dụng NHCN (theo *Điều 105 - Luật SHTT*) đảm bảo các nội dung sau: Xác định chủ sở hữu; Xây dựng điều kiện được sử dụng; Các đặc tính của của sản phẩm được chứng nhận; Xây dựng phương pháp đánh giá các đặc tính của sản phẩm và phương pháp kiểm soát việc sử dụng NHCN...

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án

Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Thời gian thực hiện dự án được phê duyệt: 22 tháng (03/2017 – 12/2018).

3. Cấp quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên

4. Đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện dự án

Tên đầy đủ: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt

Địa chỉ: số 4 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024.8587.3838

Fax: 024.8587.3939

Mã đại diện sở hữu công nghiệp ghi nhận tại Cục Sở hữu trí tuệ: **179**

5. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án

Họ và tên: Nguyễn Mạnh Tuấn

Đơn vị công tác: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt

Chức vụ: Trưởng ban dự án thương hiệu nông sản

Học vị: Kỹ sư/ Cử nhân

Điện thoại: 024.8587.3838

0948.993.345

Email: tuan.nguyen@ipaspro.com

6. Kinh phí thực hiện: 800.000.000 đồng

Trong đó:

- Từ ngân sách Trung ương:

0 đồng.

- Từ ngân sách địa phương:

800.000.000 đồng

7. Mục tiêu của dự án

7.1. Mục tiêu chung

- Tạo lập, quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận nhằm nâng cao giá trị, danh tiếng của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận;

- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận;

- Góp phần nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống cho người sản xuất, kinh doanh và tạo môi trường phát triển bền vững cho sản phẩm nghệ Chí Tân.

7.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

- Thiết lập và vận hành mô hình quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” trên thực tế với quy mô thí điểm;

- Đảm bảo sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” khi tiêu thụ trên thị trường được kiểm soát, quản lý chặt chẽ;
- Nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận, từng bước tạo lập và phát triển các kênh thương mại, ổn định đầu ra cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”;
- Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận phải có nguồn gốc, truy suất nguồn gốc đầy đủ;
- Đảm bảo sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” khi lưu thông trên thị trường phải có tem - nhãn, mã số, mã vạch đầy đủ theo quy định của pháp luật;
- Thiết kế khung tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đến nhiều người tiêu dùng, thông qua việc xây dựng website, hội chợ, thiết kế phát hành tờ rơi, poster, sổ tay thương hiệu, xây dựng phim tư liệu giới thiệu về sản phẩm....

8. Nội dung của dự án

Để thực hiện được mục tiêu của dự án, các nội dung chính triển khai như sau:

8.1. Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân – Khoái Châu

Nội dung này nhằm xây dựng bộ Hồ sơ đủ cơ sở khoa học và thực tiễn nộp Cục sở hữu trí tuệ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân – Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, các nội dung được tiến hành, bao gồm:

8.1.1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất và kinh doanh nghệ Chí Tân – Khoái Châu


Nhằm thu thập thông tin, làm căn cứ thực tiễn phục vụ cho việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.

Việc khảo sát, đánh giá sẽ được tiến hành nhằm thu thập thông tin về các nội dung chính: quy mô, hiện trạng, quy trình kỹ thuật, thị trường tiêu thụ,...

8.1.2. Xác định và thống nhất tổ chức đứng tên đăng ký NHCN và tổ chức quản lý việc sử dụng NHCN

Nhằm xác định tổ chức đứng tên đại diện chủ sở hữu, thực hiện công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.

Theo đó, chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận là UBND huyện Khoái Châu. Bên cạnh đó để đảm bảo chất lượng, sản phẩm chứng nhận cần có một quy trình kỹ sản xuất, sơ chế và bảo quản các sản phẩm liên quan đến nghệ được quản lý như sau:

Hình 1. Mô hình quản lý nhãn hiệu cộng đồng (FAO)	<i>Chú giải</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Tự quản: hộ sản xuất/kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ tự quản lý chất lượng sản phẩm của mình - Quản lý nội bộ: Tổ chức tập thể của người sản xuất/kinh doanh kiểm soát chất lượng của các thành viên. - Quản lý bên ngoài: Tổ chức chứng nhận kiểm soát chất lượng sản phẩm của người sử dụng nhãn hiệu và cấp quyền sử dụng.

- Phương pháp đánh giá sản phẩm mang NHCN được dựa trên bộ tiêu chí cần chứng nhận sẽ được xây dựng (nguồn gốc sản phẩm, chất lượng sản phẩm).

- Phương pháp kiểm soát việc sử dụng NHCN được dựa trên: hệ thống sổ sách theo dõi từ sản xuất đến lưu thông sản phẩm; các công cụ khác được xây dựng; kiểm tra thường xuyên và định kỳ...

- Phương án cấp và sử dụng tem, nhãn chứng nhận trên sản phẩm được tiến hành như sau: Tổ chức chứng nhận xác định các hộ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ có đủ điều kiện; Xác định các cơ sở có đủ điều kiện về sản xuất các sản phẩm liên quan đến nghệ (đáp ứng các tiêu chí về chất lượng các sản phẩm liên quan đến nghệ, quy trình chế biến); Tổ chức chứng nhận sẽ căn cứ vào các tiêu chí cần chứng nhận sẽ cấp tem, nhãn cho các sản phẩm đủ điều kiện.

8.1.3. Thiết kế, lựa chọn mẫu nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”

- Thiết kế mẫu nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân – Khoái Châu
- Tổ chức hội thảo xét duyệt và lựa chọn mẫu nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".

8.1.4. Xác định tiêu chí cần chứng nhận của sản phẩm "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”

Bộ tiêu chí chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận được xây dựng là cơ sở hoàn thiện Bộ hồ sơ xác lập quyền, đồng thời phục vụ công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".

8.1.5. Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng NHCN

Quy chế quản lý và sử dụng NHCN là một trong những văn bản bắt buộc phải có trong Hồ sơ đơn đăng ký bảo hộ NHCN. Quy chế này cũng đồng thời là căn cứ pháp lý cơ bản, quan trọng nhất để chủ sở hữu NHCN – UBND huyện

Khoái Châu triển khai các hoạt động quản lý việc sử dụng NHCN “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.

8.1.6. Xác định bản đồ vùng địa lý sản phẩm mang nhãn NHCN “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”

Nhằm thu thập thông tin, số liệu phục vụ cho việc xác định bản đồ địa lý sản phẩm mang NHCN “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.

Chỉ những sản phẩm được sản xuất, có nguồn gốc trong vùng bản đồ đã được xác định mới đủ điều kiện mang NHCN “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”.

8.1.7. Xin phép sử dụng tên địa danh “Chí Tân – Khoái Châu” để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận tại Cục Sở hữu trí tuệ;

Xin phép Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cho sử dụng địa danh để đăng ký nhãn hiệu chứng nhận tại Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định.

8.1.8. Lập Hồ sơ đơn đăng ký NHCN, nộp đơn và theo dõi đơn

- Lập bản mô tả tính chất, chất lượng đặc trưng Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

- Lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận;

- Nộp Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận cho Cục sở hữu trí tuệ, xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

8.2. Quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

8.2.1. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”

Mô hình tổ chức quản lý NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” được xây dựng nhằm phục vụ cho công tác quản lý NHCN.

8.2.2. Xây dựng và ban hành các công cụ phục vụ công tác quản lý, phát triển NHCN

- Xây dựng quy trình cấp, thu hồi, quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu";

- Xây dựng quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang NHCN;

- Xây dựng quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang NHCN;

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ mang NHCN;

- Xây dựng bộ hệ thống biểu mẫu, sổ sách ghi chép, biểu mẫu thẻ chế phục vụ việc quản lý NHCN.

- Xây dựng chuyên đề xây dựng thương hiệu cho sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".

- Xây dựng chuyên đề sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"

8.3. Phát triển, khai thác nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"

8.3.1. Xây dựng hệ thống phương tiện, điều kiện quảng bá, khai thác giá trị NHCN

- Biên soạn sổ tay thương hiệu và hướng dẫn sử dụng NHCN;
 - Thiết kế, xây dựng biển quảng cáo tầm lớn ngoài trời;
 - Biên soạn và in Poster;
 - Biên soạn và in tờ rơi;
 - Biên soạn và in nhãn dán;
 - Xây dựng website để quảng bá và giao dịch thương mại cho sản phẩm mang NHCN.
- Thu thập thông tin và hình ảnh viết bài đăng báo giới thiệu về vùng sản xuất và sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

8.4. Tập huấn cho các đối tượng có liên quan

Để từng bước thực hiện việc quản lý và sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" đạt hiệu quả cao trong thực tiễn sẽ tổ chức tập huấn, tăng cường năng lực cho các tổ chức, cá nhân có liên quan về các nội dung:

- Tập huấn nâng cao kiến thức về Sở hữu trí tuệ và NHCN;
- Tập huấn nâng cao kiến thức về thực thi quyền sở hữu trí tuệ;
- Tập huấn hướng dẫn truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"
- Tập huấn nâng cao kiến thức về xây dựng và bảo vệ thương hiệu mang NHCN;
- Tập huấn về giải pháp phòng trừ sâu bệnh nâng cao năng xuất chất lượng.



Hình 2: Tập huấn tập cho bà con tại địa phương trong khuôn khổ dự án

9. Các sản phẩm của dự án

Bảng 1: Các sản phẩm của dự án

T T	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Yêu cầu khoa học, kinh tế
1	Mẫu NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu	Mẫu NHCN	Phù hợp, ý nghĩa và hiệu quả quảng bá thị trường (ấn tượng và sáng tạo)
2	Bộ tiêu chí sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận	Bộ tiêu chí	Bộ tiêu chí rõ ràng, khách quan, đáp ứng các yêu cầu TCVN
3	Quy chế quản lý và sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"	Quy chế	Chặt chẽ, phù hợp, hiệu quả, được sự đồng ý của các thành viên tham gia
4	Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận	Hồ sơ	Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, được Cục sở hữu trí tuệ chấp nhận
5	Văn bằng nhãn hiệu chứng nhận	Văn bằng	Do Cục sở hữu trí tuệ cấp
6	Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Quy trình	Chặt chẽ, phù hợp, hiệu quả, được sự đồng ý của các thành viên tham gia
7	Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Quy chế	Chặt chẽ, phù hợp, hiệu quả, được sự đồng ý của các thành viên tham gia
8	Quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Quy chế	Chặt chẽ, phù hợp, hiệu quả, được sự đồng ý của các thành viên tham gia
9	Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu mang nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Quy trình	Chặt chẽ, phù hợp, hiệu quả, được sự đồng ý của các thành viên tham gia
10	Hệ thống sổ sách ghi chép theo dõi hoạt động sản xuất sản phẩm và sử dụng NHCN	Sổ sách	Đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng
11	Sơ đồ Bộ máy tổ chức quản lý NHCN	Sơ đồ	- Phù hợp với quy định của Luật SHTT về sử dụng và quản lý NHCN; - Phù hợp với thực tiễn - Bộ máy tổ chức được thành lập và hoạt động trên thực tế.
12	Bộ công cụ quảng bá sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận (phóng sự, tờ rơi, poster...).	Bộ	Đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn nhận dạng sản phẩm và không trùng lặp với các sản phẩm cùng

T T	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Yêu cầu khoa học, kinh tế
			loại khác đã có trên thị trường.
13	Bản đồ vùng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận	Bản đồ	Bản đồ vùng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận được phê duyệt.
14	Hệ thống các phương tiện, điều kiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm mang NHCN: tem, nhãn, logo, Website....	Hệ thống	Đảm bảo tính mỹ thuật, có hiệu quả quảng bá cao
15	Chuyên đề Mô hình tổ chức quản lý NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Chuyên đề	Bảo đảm tính xác thực và khoa học
16	Chuyên đề xây dựng thương hiệu cho sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Chuyên đề	Bảo đảm tính xác thực và khoa học
17	Chuyên đề sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với NHCN	Chuyên đề	Bảo đảm tính xác thực và khoa học
18	Báo cáo tổng kết dự án NHCN	Báo cáo	Bảo đảm tính xác thực và khoa học

PHẦN II: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Cơ quan quản lý dự án

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên là cơ quan quản lý chung việc thực hiện dự án, là chủ thể ký kết hợp đồng thực hiện với đơn vị chủ trì thực hiện.

Tổ chức, triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ, kiểm tra đột xuất tình hình thực hiện các nội dung, tiến độ và tình hình sử dụng kinh phí của dự án;

- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu các kết quả thực hiện dự án theo yêu cầu;
- Cấp kinh phí cho đơn vị chủ trì thực hiện dự án theo hợp đồng được ký kết;
- Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của đơn vị chủ trì thực hiện dự án;
- Tham gia, chủ trì thực hiện một số Hội thảo khoa học được triển khai tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Cơ quan chủ trì dự án

Đơn vị chủ trì thực hiện dự án là Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt, thông qua Hợp đồng thực hiện dự án khoa học và công nghệ số: 08/2017/HĐ – SKHCN ký ngày 02/02/2017 giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên và Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt.

Đơn vị chủ trì thực hiện dự án chịu trách nhiệm triển khai các nội dung của dự án, trong khuôn khổ nguồn tài chính và thời gian được ký kết.

3. Phối hợp thực hiện dự án

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu

Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, thực hiện quản lý chung các hoạt động được triển khai trên địa bàn huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ và các hoạt động chính của huyện trong việc thực hiện dự án như sau:

- Phối hợp thực hiện, thẩm định và ra quyết định ban hành các quy chế, quy trình có liên quan đến nội dung xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, bao gồm:

+ Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

+ Ban hành Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu";

+ Ban hành Bộ tiêu chí sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận;

+ Xây dựng mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận;

+ Ban hành Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu";

+ Ban hành Quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu";

+ Thiết kế hệ thống quy trình và hồ sơ cấp quyền sử dụng nhãn NHCN;

+ Ban hành hệ thống các bản đồ có liên quan: Bản đồ sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

- Phê duyệt mẫu NHCN và bộ nhận diện thương hiệu có liên quan;
- Tham gia chủ trì các Hội thảo, Hội nghị, Hội đồng khoa học được tổ chức tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Phòng Nông nghiệp huyện, đại diện Ủy ban nhân dân các xã và người dân địa phương tham gia phối hợp, hỗ trợ đơn vị chủ trì triển khai thực hiện các nội dung của dự án.

Sự chỉ đạo sát sao của Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu là yếu tố rất quan trọng trong việc thực hiện thành công các nội dung của dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3.2. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Khoái Châu là đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu. Bên cạnh đó, Phòng Nông nghiệp là đơn vị hỗ trợ, phối hợp chính cùng đơn vị chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đặc biệt là hoạt động được triển khai trên địa bàn huyện.

3.3. Các cơ quan chuyên môn

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn có liên quan, bao gồm:

- Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm;
- Cục Sở hữu trí tuệ;
- Các đơn vị thiết kế, in ấn: Công ty cổ phần Bách Khoa Star, Công ty cổ phần phát triển Phúc An Lộc;
- Các chuyên gia về thương hiệu, về kinh doanh thương mại...

3.4. Ủy ban nhân dân các xã, người dân hưởng lợi của dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, có sự hỗ trợ, phối hợp lớn từ Ủy ban nhân dân các xã của huyện Khoái Châu đặc biệt là UBND xã Chí Tân. Bên cạnh đó, dự án sẽ không thể thành công nếu không có sự tham gia nhiệt tình của các hộ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ tại địa phương. UBND xã Chí Tân đã tạo điều kiện trong việc khảo sát đánh giá thực trạng, quy trình sản xuất,... và phối hợp trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn các nội dung trong khuôn khổ dự án.

4. Tình hình thực hiện dự án

4.1. Công tác tổ chức thực hiện dự án

Dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên được tổ chức thực hiện như sau:

- **Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên:** Là cơ quan quản lý cao nhất, ra quyết định phê duyệt việc thực hiện dự án;

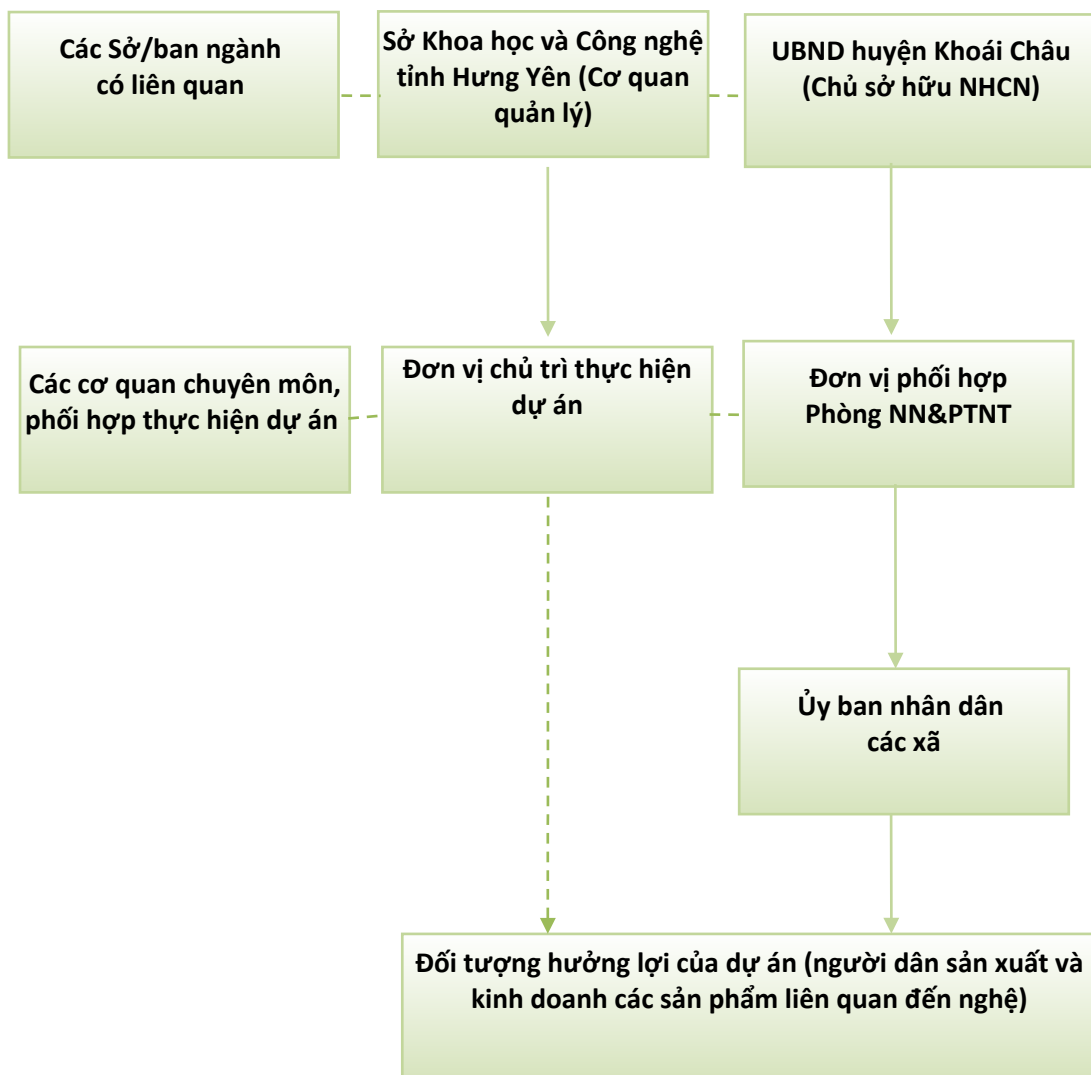
- **Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên:** Là cơ quan quản lý việc thực hiện dự án;

- **Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu:** Là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, là cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận tại địa phương;

- **Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Khoái Châu:** Là đơn vị thay mặt Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu quản lý và phối hợp triển khai thực hiện dự án;

- **Đơn vị chủ trì thực hiện dự án:** Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt, là đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện dự án;

- **Đối tượng thụ hưởng:** Là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ thuật vùng địa lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận



→ Quan hệ quản lý
- - - Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức thực hiện dự án

4.2. Những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện dự án

4.2.1. Môi trường pháp lý

Dự án xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu bao gồm rất nhiều nội dung (khoa học công nghệ, nông nghiệp, công thương, y tế, văn hóa, truyền thông,...) nên trong quá trình triển khai, các kết quả của dự án chịu sự tác động rất lớn của hệ thống các chính sách có liên quan, bao gồm:

- Các quy định về sử dụng và quản lý vốn ngân sách, thủ tục hành chính: Dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp Khoa học Công nghệ của tỉnh Hưng Yên năm 2017 - 2018, trong quá trình thực hiện dự án chịu sự tác động rất lớn của các quy định của luật ngân sách; bên cạnh đó, các kết quả của dự án chịu sự tác động các quy định về thủ tục hành chính (việc ban hành các quy trình, quy chế và các văn bản khác có liên quan);

- Các quy định về khoa học công nghệ, sở hữu trí tuệ: Các kết quả của dự án trước hết chịu sự tác động của các quy định về khoa học công nghệ nói chung và sở hữu trí tuệ nói riêng, đặc biệt là các nội dung về xác lập quyền sở hữu trí tuệ, công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận...

- Các quy định về thanh quyết toán tại Kho bạc nhà nước là một trong những khó khăn trong quá trình triển khai dự án...

4.2.2. Quản lý dự án

Công tác quản lý dự án có tác động rất lớn đối với việc thực hiện thành công dự án xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, cụ thể:

- Việc đảm bảo điều kiện tài chính, kỹ thuật, bố trí tổ chức thực hiện:

- + Đảm bảo về điều kiện tài chính: Việc thực hiện dự án trong giai đoạn đầu gặp rất nhiều khó khăn trong việc bố trí nguồn tài chính, điều kiện giải ngân, do thủ tục phức tạp, khâu kiểm soát mất nhiều thời gian; tuy nhiên, những hạn chế này đã được khắc phục trong suốt quá trình thực hiện dự án.

- + Điều kiện về kỹ thuật: Một số nội dung của dự án được triển khai đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn và kỹ thuật, yếu tố này cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ và kết quả thực hiện chung của dự án. Tuy nhiên, đơn vị chủ trì thực hiện đã phối hợp cùng các đơn vị chuyên ngành để cùng thực hiện, các hạn chế đã được khắc phục.

- + Bố trí tổ chức: Việc bố trí tổ chức thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các cam kết với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên và các đơn vị khác có liên quan.

- Tổ chức thực hiện dự án: Để thực hiện dự án đúng tiến độ và đạt chất lượng đã đề ra; đơn vị chủ trì thực hiện dự án đánh giá cao sự phối hợp thực hiện của các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, cụ thể:

- + Dự án nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên đã tạo những điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện dự án, Đặc biệt Sở đã bố trí cán bộ của Phòng Quản lý chuyên ngành và Kế hoạch tài chính hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện dự án, đối với các nội dung còn vướng mắc, Sở Khoa

học và Công nghệ đã có sự hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời. Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên cũng đã chỉ đạo, phân công trách nhiệm đối với các phòng ban chuyên môn thường xuyên có sự hỗ trợ trong quá trình thực hiện dự án.

+ Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu: Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu; trong quá trình thực hiện, Ủy ban đã có sự chỉ đạo, hỗ trợ nhiệt tình; đặc biệt, là việc quán triệt chỉ đạo đối với các đơn vị, phòng ban có liên quan phối hợp cùng đơn vị chủ trì thực hiện dự án; tham gia, chủ trì các hội thảo khoa học được tổ chức, thẩm định và ban hành các bộ quy trình, quy chế, các nội dung có liên quan của dự án.

+ Phòng Nông nghiệp huyện Khoái Châu: Sự tham gia phối hợp của Phòng NNPTNN huyện Khoái Châu là yếu tố rất quan trọng trong việc triển khai thực hiện thành công dự án. Phòng NNPTNT là đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ đơn vị chủ trì trong suốt quá trình triển khai các hoạt động dự án. Phòng đã bố trí cán bộ cùng tham gia thực hiện, đặc biệt là đối với các hoạt động thực địa, bao gồm: khảo sát đánh giá thực trạng, tham gia chủ trì một số hội thảo, tập huấn, hỗ trợ đơn vị chủ trì hầu hết các hoạt động của dự án diễn ra trên địa bàn huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

+ Sự đóng góp tích cực của các xã và người dân hưởng lợi: Sự hỗ trợ của các xã, sự tham gia nhiệt tình của người dân hưởng lợi là những đóng góp rất quan trọng trong việc triển khai thực hiện dự án.

- Thực hiện chế độ báo cáo và các quy định về theo dõi và đánh giá dự án trong quá trình thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đều bố trí cán bộ làm công tác theo dõi dự án, công tác theo dõi và đánh giá dự án tuân thủ theo các quy định hiện hành về sử dụng nguồn vốn ngân sách, phát triển Khoa học Công nghệ. Chế độ báo cáo theo tháng, quý, 6 tháng, năm đã được thực hiện đầy đủ, có chất lượng. Công tác lưu trữ tài liệu đã được thực hiện (các tài liệu của dự án được tổng hợp, phân loại và lưu dưới dạng văn bản cứng và file mềm trên máy tính).

- Quản lý rủi ro và thay đổi: Các rủi ro (chủ quan và khách quan) có tác động rất lớn đối với các kết quả của dự án, dự án chịu các tác động về mặt rủi ro chủ yếu đến từ sự biến động giá của thị trường, những tác động tiêu cực do thời tiết, nguyên liệu chế biến... tuy nhiên, bằng sự nỗ lực của các bên liên quan, các rủi ro này đã được khắc phục, hạn chế.

4.2.3. Những thuận lợi, khó khăn và các biện pháp khắc phục

a) Thuận lợi

Dự án được thực hiện phù hợp với chiến lược phát triển về Khoa học Công nghệ của Chính phủ, của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025;

- Dự án được sự ủng hộ cao của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và các sở ban ngành của Tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính,...);

- Thường xuyên nhận được chỉ đạo sát sao của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu;

- Trong quá trình triển khai, dự án nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tình của Phòng NNPTNT huyện Khoái Châu, UBND xã Chí Tân, hộ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghề.

- Sự đồng thuận và nhiệt tình tham gia của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương, đây là yếu tố đóng vai trò quan trọng giúp cho sự thành công của dự án;

- Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã tổ chức thẩm định và ban hành kịp thời các bộ công cụ, hệ thống các văn bản phục vụ công tác xác lập quyền, quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghề Chí Tân - Khoái Châu;

- Bên cạnh đó, dự án nhận được sự phối hợp cao của các đơn vị chuyên môn trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

b) Khó khăn

- Sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng là vấn đề mới đối với các địa phương; do vậy, trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện, dự án gặp những khó khăn nhất định, đặc biệt là việc tiếp cận dự án của người dân tại địa phương;

- Công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận tại Việt Nam hiện chưa có nhiều kinh nghiệm thực hiện nên việc xây dựng và triển khai mô hình tổ chức quản lý giai đoạn đầu gặp nhiều khó khăn; bên cạnh đó, hiện chưa có các quy định cụ thể về việc xây dựng bộ máy quản lý, vấn đề thiếu nhân sự, kinh phí hoạt động đã gây ra những khó khăn nhất định trong việc vận hành Tổ chức chứng nhận;

- Người dân đã quen với các phương pháp sản xuất truyền thống, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm riêng, mạnh ai nấy làm, chưa đảm bảo sự đồng nhất, việc ghi chép sổ sách, kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghề chưa được thực hiện, nên gây ra nhiều khó khăn trong việc đảm bảo quy trình, quản lý chất lượng sản phẩm;

- Dự án áp dụng các định mức của việc thực hiện các nội dung khoa học công nghệ; tuy nhiên, ngoài nội dung xác lập quyền thì công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận là nội dung đòi hỏi kinh phí cao; do vậy, việc áp dụng các định mức khoa học công nghệ là không thật sự phù hợp, gây ra những khó khăn nhất định trong việc bố trí nguồn tài chính;

- Công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau, bao gồm: Về công nghệ thực phẩm (chất lượng sản phẩm), về khoa học công nghệ, vấn đề lưu thông, lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm,...trong khi đó, các nội dung này trong công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận chưa có các quy định cụ thể về trách nhiệm của các bên liên quan, nên việc thực hiện sẽ gặp nhiều khó khăn.

c) Biện pháp khắc phục

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế nêu trên, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu, Phòng NNPTNT huyện Khoái Châu, UBND xã Chí Tân đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, từ đó đưa ra các phương án giải quyết phù hợp. Cụ thể:

- Dự án đã tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu chứng nhận cho Tổ chức chứng nhận, Ban lãnh đạo và những người dân có liên quan;

- Bộ công cụ quản lý sản xuất, sơ chế các sản phẩm liên quan đến nghệ đã được xây dựng và ban hành, bao gồm: Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm, Quy chế sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm, chuyên đề hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, trồng, thu hoạch, bảo quản sản phẩm nghệ tươi, chuyên đề kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm nghệ củ khô, bột nghệ và tinh bột nghệ hệ thống sổ sách theo dõi, ghi chép,... Bộ công cụ này đã được tập huấn cho các đối tượng có liên quan, làm cơ sở cho việc cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đạt yêu cầu;

- Dự án đã tổ chức vận hành thử nghiệm một số bước trong việc cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các hộ dân;

- Dự án đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm, tránh lãng phí, nhằm thực hiện đúng các nội dung dự án theo nguồn kinh phí đã được phê duyệt;

- Theo định kỳ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, đã tổ chức các cuộc họp đánh giá, trao đổi kinh nghiệm, với sự tham gia của đại diện đơn vị chủ trì thực hiện, đại diện các phòng ban chức năng của huyện, đại diện các hộ dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

PHẦN III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. Nội dung công việc đã thực hiện

Dự án xây dựng và quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên được phê duyệt bao gồm các nội dung chính là: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu; bên cạnh đó, các nội dung về công tác quản lý dự án đã được tiến hành.

Việc đánh giá các kết quả của dự án được thực hiện thông qua nội dung Thuyết minh dự án đã được phê duyệt, các kết quả cụ thể của dự án đã được phê duyệt như sau:

1. Kết quả thực hiện nội dung xác lập quyền đối với NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"

Nội dung này nhằm xây dựng bộ Hồ sơ đủ cơ sở khoa học và thực tiễn nộp Cục sở hữu trí tuệ xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, các kết quả đã đạt được trong nội dung này của dự án được tổng hợp như sau:

1.1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

Để tạo lập cơ sở thực tiễn cho việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành khảo sát, đánh giá về hiện trạng sản xuất và kinh doanh sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu. Cụ thể:

+ Nội dung khảo sát: quy mô hiện trạng sản xuất, kinh doanh, quy trình chế biến các sản phẩm liên quan đến nghệ, thị trường tiêu thụ sản phẩm.

+ Số lượng mẫu: 200 phiếu.

+ Đối tượng: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất và kinh doanh, người dân trên địa bàn huyện Khoái Châu; đại diện Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu; đại diện các xã có liên quan: Chí Tân, Đại Tập, Đại Hưng, Thuận Hưng.

Thông qua kết quả khảo sát về quy mô, hiện trạng, quy trình sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu cho thấy: Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được sản xuất tại huyện Khoái Châu Sự khác biệt của sản phẩm nghệ Chí Tân so với các nơi khác được tạo nên từ quy trình kỹ thuật canh tác, chăm sóc, sơ chế và bảo quản nghệ của người dân nơi đây. Hiếm có vùng trồng nghệ nào ở miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung, người dân tâm huyết và đầu tư công sức vào cây nghệ nhiều như ở Chí Tân, Khoái Châu. Từ khâu chọn giống để gieo trồng, người dân nơi đây đã sử dụng hình thức và loại củ giống khác với nhiều nơi khác, lượng giống sử dụng trên 1 đơn vị diện tích cao hơn từ 5 – 10 lần thông thường. Và ở Chí Tân có kỹ thuật canh tác nghệ độc đáo đó là sau trồng 3 tháng, tức tháng 6 hàng năm, khi cây nghệ đã sinh trưởng phát triển ổn định mà chất lượng củ giống vẫn không hề suy giảm nên bà con có thể

tiên hành moi đất thu hồi củ giống (củ vốn) làm thương phẩm và lại tiếp tục vùi đất, chăm sóc bình thường.

1.2. Thống nhất chủ sở hữu NHCN

Đơn vị chủ trì dự án đã triển khai họp bàn với UBND huyện Khoái Châu và các phòng/ban có liên quan cùng với sự tham gia của Sở KH-CN tỉnh Hưng Yên và các đối tượng có liên quan thống nhất, UBND huyện Khoái Châu là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.

1.3. Thiết kế, lựa chọn mẫu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

Mẫu nhãn hiệu “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” (logo) là sự kết hợp của các yếu tố chữ, hình ảnh, màu sắc để thể hiện sự khác biệt giữa sản phẩm “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” với các sản phẩm liên quan đến nghệ khác. Logo có hiệu quả cao khi kết hợp được ý tưởng của nguyên liệu chế biến ra sản phẩm với kỹ thuật đồ họa, đảm bảo dễ nhớ và mang lại một ấn tượng tích cực.

Ý tưởng thiết kế nhãn hiệu “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”:

- Logo được xây dựng trên cơ sở thu thập các ý kiến, ý tưởng của các cá nhân, tổ chức sản xuất và kinh doanh sản phẩm tại địa phương.

- Logo gồm phần hình và phần chữ. Trong đó phần chữ thể hiện tên địa danh và tên nhãn hiệu: "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu". Phần hình thể hiện nguồn gốc của các sản phẩm liên quan đến nghệ hoặc hình ảnh cách điệu của mẫu mã bao bì sản phẩm.

Một số phương án thiết kế mẫu NHCN của sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được thiết kế:

Hình 3: Một số phương án thiết kế mẫu nhãn hiệu

Kết quả sau khi tổ chức Hội thảo xét duyệt, lựa chọn, góp ý, chỉnh sửa và hoàn thiện, mẫu logo và nhãn mác chính thức dùng cho các sản phẩm nghệ Chí Tân – Khoái Châu như sau:



Hình 4: Mẫu biểu tượng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân – Khoái Châu

Mẫu nhãn hiệu chính thức (Hình 4) đã được bảo hộ tổng thể ngày 29 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định số 20443/QĐ-SHTT của Cục sở hữu trí tuệ. Mẫu nhãn hiệu này được mô tả như sau:

Mẫu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân – Khoái Châu bao gồm phần hình và phần chữ:

Nhãn hiệu gồm một hình vòng tròn viền màu vàng cam và ở giữa màu trắng. Ở giữa hình tròn là hình củ nghệ có vỏ màu nâu, ruột màu vàng cam; hình tinh bột nghệ màu vàng cam; và ba chiếc lá nghệ màu xanh. Bên dưới hình tròn là dòng "NGHỆ" màu cam và chữ "CHÍ TÂN – KHOÁI CHÂU" màu xanh. Trong đó, "CHÍ TÂN" là tên xã, "KHOÁI CHÂU" là tên huyện thuộc tỉnh Hưng Yên.

Màu sắc: Vàng cam, xanh, trắng, nâu.

1.4. Tạo lập các tiêu chí chứng nhận cho sản phẩm

Muôn sử dụng NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”, sản phẩm cần phải đáp ứng được các tiêu chí do chủ sở hữu nhãn hiệu xây dựng. Vì vậy, cần xây dựng một bộ tiêu chí gồm các chỉ tiêu đi kèm với tiêu chuẩn tương ứng đối với sản phẩm mang NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”.

Trong quá trình thực hiện dự án các thành viên đã tiến hành khảo sát về sản xuất, chế biến các sản phẩm liên quan đến nghệ tại các xã có liên quan trong huyện; xác định các tiêu chí về chất lượng của sản phẩm cần chứng nhận; lấy mẫu thành phẩm phân tích 1 số chỉ tiêu lý hóa; tổ chức hội nghị góp ý cho bộ tiêu chuẩn chất lượng của “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”.

Tổng kết các chỉ tiêu cảm quan, lý hóa của sản phẩm và tổ chức hội thảo thống nhất bộ tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm đăng ký NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” như sau:

Bảng 2: Tiêu chí cảm quan sản phẩm củ nghệ tươi

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Màu sắc	Màu vàng cam đậm đến vàng đỏ	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ	
3	Vị	Đắng	
4	Trạng thái	Củ nguyên vẹn, không sứt sẹo, không gãy	
5	Kích thước:		
	- Chiều dài	5 – 8 cm	
	- Chiều rộng	4 – 5 cm	
6	Khối lượng	100 – 215 gram/củ	

Bảng 3: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm củ nghệ tươi

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	75 - 80%	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	0,3 – 0,5%	
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	1 - 5%	
4	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm rau, củ	
5	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm		

Bảng 4: Tiêu chí cảm quan sản phẩm củ nghệ khô

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Màu sắc	Màu vàng	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ	
3	Vị	Đắng	
4	Trạng thái	Nguyên củ, cắt lát	
5	Kích thước		
	- Củ nguyên vẹn	Kích thước: 5 – 7 cm	
	- Lát cắt dọc	Kích thước: 5 – 7cm, độ dày: 3 – 5 mm	
6	Khối lượng	50 – 100 gram/củ	

Bảng 5: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm củ nghệ khô

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	<12%	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	1.8 - 3%	
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	1 - 5%	
4	E.coli	Không có	
5	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm rau, củ	
6	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm		

Bảng 6: Tiêu chí cảm quan sản phẩm bột nghệ khô

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Màu sắc	Vàng tươi hoặc vàng cam	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ	
3	Vị	Đắng gắt	
4	Trạng thái	Dạng bột khô, không bị vón cục, không bị mốc, không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường.	
5	Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ 60 lỗ/cm ²	>95%	

Bảng 7: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm bột nghệ khô

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	<12%	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Tạp chất, % khối lượng	<5%	
3	Xơ thô, % khối lượng	<2%	
4	Hàm lượng tro, % khối lượng	6.5%	
5	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	1.8 - 3%	
6	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	1 - 5%	

7	E.coli	Không có	
8	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm bột và tinh bột	
9	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm		

Bảng 8: Tiêu chí cảm quan sản phẩm tinh bột nghệ khô

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Màu sắc	Vàng nhạt hoặc vàng cam	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Mùi	Không hắc, có mùi thơm của nghệ	
3	Vị	Đắng nhẹ	
4	Trạng thái	Dạng bột khô, mịn, không vón cục, không bị mốc, không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	
5	Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ lỗ 150 μ m	>95%	

Bảng 9: Tiêu chí chất lượng lý hóa, kim loại nặng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm tinh bột nghệ khô

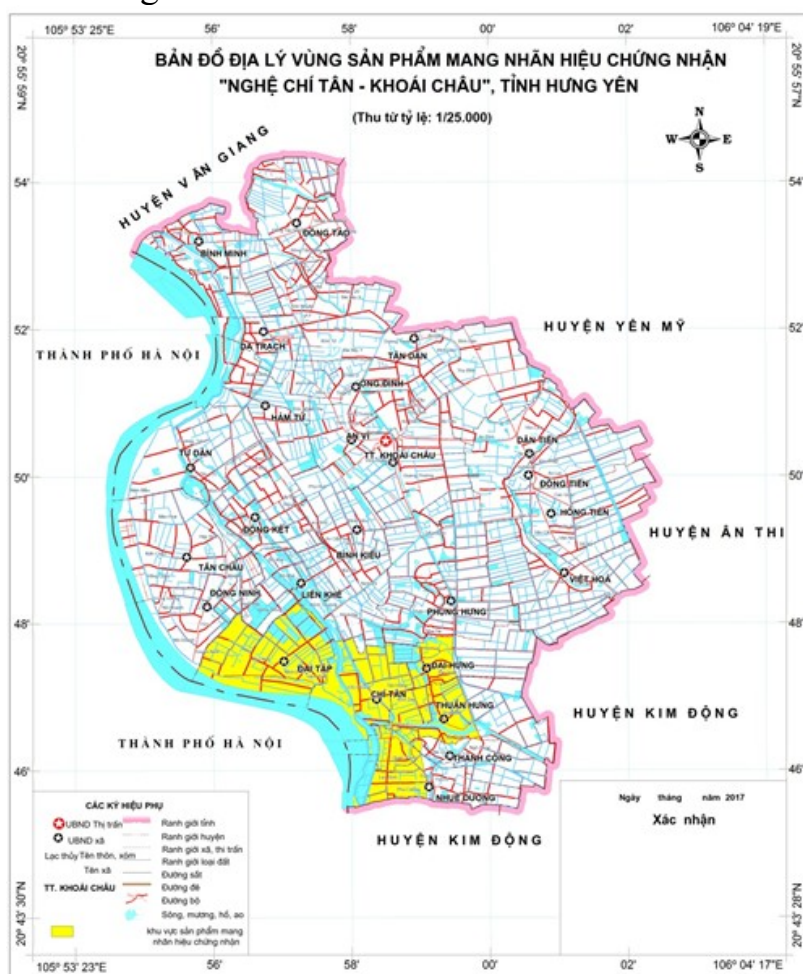
STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Cơ quan phân tích
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	<12%	Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
2	Hàm lượng tinh bột, % khối lượng	40 – 50%	
3	Hàm lượng tro tổng số, % khối lượng	<0.2%	
4	Hàm lượng chất xơ, % khối lượng	<0.2%	
5	Trị số pH của huyền phù tinh bột	5-7	
6	Độ tinh khiết, % khối lượng	>95%	
7	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	1,8 – 3,5%	
8	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	<1%	
9	E.coli	Không có	
10	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm bột và tinh bột	
11	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm		

1.5. Xác định bản đồ địa lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận

Cơ quan chủ trì dự án phối hợp cùng các đơn vị có chuyên môn tiến hành khảo sát, đo đạc và xây dựng bản đồ vùng địa lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu".

Vào thời điểm dự án mới triển khai, vùng bảo hộ NHCN được xác định là toàn bộ địa bàn xã Chí Tân, huyện Khoái Châu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Ban chủ nhiệm dự án nhận thấy nhu cầu của các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ trên địa bàn một số xã lân cận là tương đối cấp thiết. Ngoài ra, để nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" mang tính đại diện cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, Ban chủ nhiệm dự án đã báo cáo cơ quan quản lý, kịp thời điều chỉnh phạm vi bảo hộ của nhãn hiệu chứng nhận, mở rộng ra các xã lân cận xã Chí Tân, trên địa bàn huyện Khoái Châu, đó là các xã Đại Tập, Đại Hưng, Thuận Hưng.

Theo Điều 5 Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 05/06/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu, về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã xác định rõ, bản đồ địa lý sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu là toàn bộ vùng địa lý của 4 xã Chí Tân, Đại Tập, Đại Hưng và Thuận Hưng của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.



Hình 5: Bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang NHCN “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”

1.6. Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"

- Đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp với các đơn vị có liên quan Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

- Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được Xây dựng có sự thẩm định, cho ý kiến của các phòng ban liên quan, đặc biệt là Phòng Tư pháp huyện Khoái Châu trước khi trình UBND huyện ký ban hành.

- Bên cạnh đó, Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được tổ chức lấy ý kiến thông qua Hội thảo khoa học, với sự tham gia của đại diện UBND các xã, đại diện các Phòng ban có liên quan của huyện Khoái Châu; đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên,... thông qua ý kiến góp ý của các thành viên tham dự Hội thảo, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã hoàn thiện bản Quy chế chính thức, trình UBND huyện Khoái Châu phê duyệt và ban hành.

- Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân – Khoái Châu đã được Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu ban hành thông qua Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 05/06/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu.

Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân – Khoái Châu đã được ban hành gồm có 04 Chương, 18 Điều.

Bảng 10: Tóm tắt nội dung quy chế quản lý và sử dụng NHCN nghệ Chí Tân – Khoái Châu

TT	Chương, Điều	Nội dung
I	Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG
1	Điều 1	Mục tiêu của Quy chế
2	Điều 2	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
3	Điều 3	Giải thích từ ngữ
4	Điều 4	Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận
II	Chương II	NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
5	Điều 5	Điều kiện được cấp giấy chứng nhận
6	Điều 6	Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận
7	Điều 7	Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức chứng nhận
8	Điều 8	Quyền của Người sử dụng nhãn hiệu chứng nhận
9	Điều 9	Nghĩa vụ của Người sử dụng nhãn hiệu chứng nhận
10	Điều 10	Giấy chứng nhận và quy trình xem xét, cấp Giấy chứng nhận
III	Chương III	KIỂM TRA, KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
11	Điều 11	Kiểm tra, kiểm soát sử dụng nhãn hiệu chứng nhận
12	Điều 12	Phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm
13	Điều 13	Kinh phí cấp quyền và sử dụng NHCN
14	Điều 14	Hành vi vi phạm
15	Điều 15	Nguyên tắc, chế tài xử lý vi phạm

16	Điều 16	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
IV	Chương IV	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
17	Điều 17	Tổ chức thực hiện
18	Điều 18	Hiệu lực thi hành
	Phụ lục 1	Mẫu nhãn hiệu chứng nhận
	Phụ lục 2	Tiêu chí sản phẩm mang NHCN nghệ Chí Tân – Khoái Châu

1.7. Thiết lập bộ máy Tổ chức chứng nhận

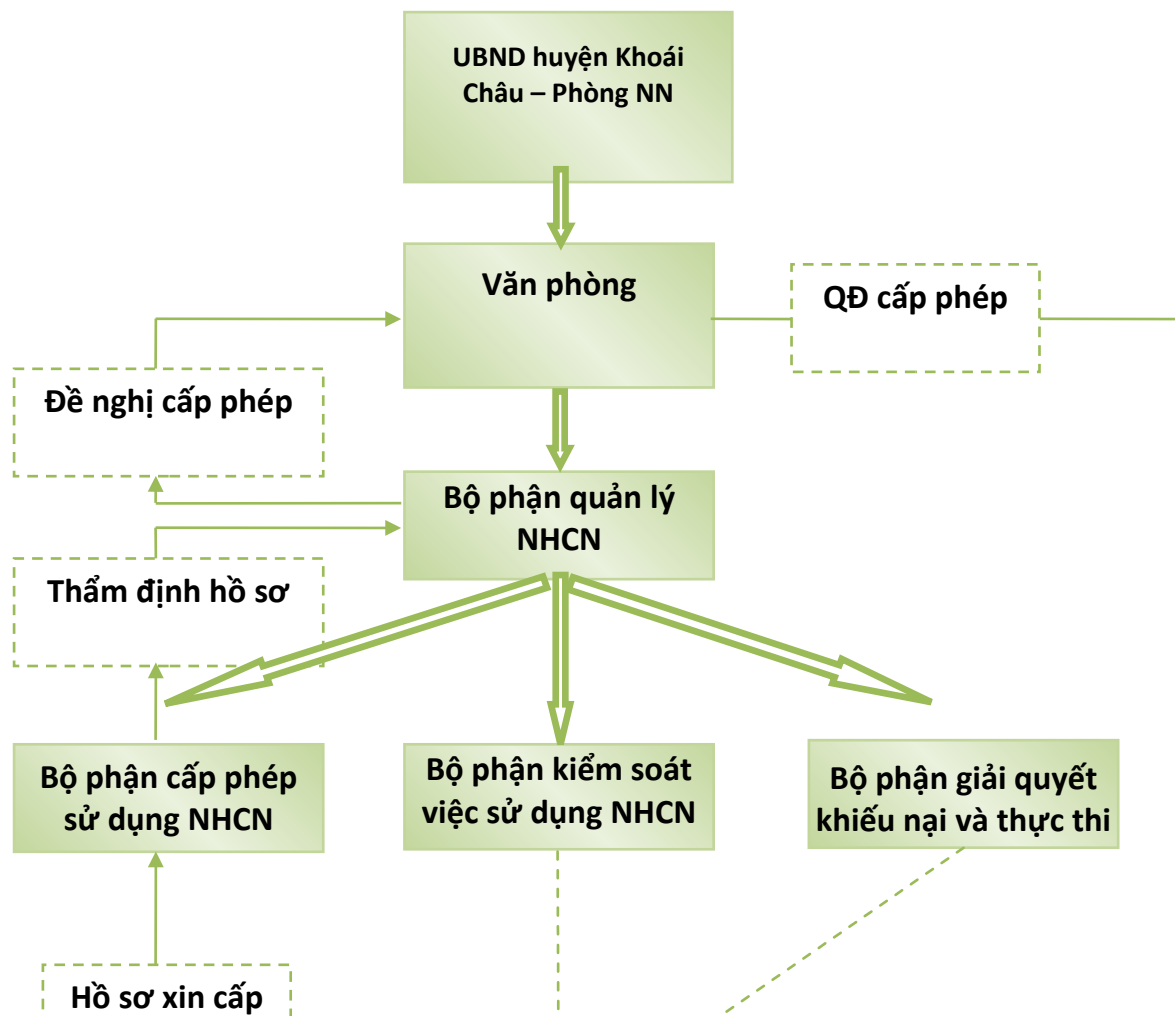
- Để phục vụ cho việc quản lý, phát triển nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân – Khoái Châu, UBND huyện Khoái Châu đã giao Phòng NNPTNT là đơn vị thay mặt UBND huyện Khoái Châu thực hiện các nội dung có liên quan đến việc quản lý nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân – Khoái Châu.

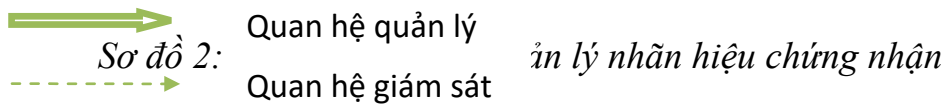
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức chứng nhận nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân – Khoái Châu. Bao gồm các nội dung chính:

Bảng 11: Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức chứng nhận

TT	Quy định	Nội dung cụ thể
1	Nguyên tắc hoạt động	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phù hợp với các quy định của pháp luật về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của UBND huyện. 2. Phù hợp với các quy định hiện hành về Sở hữu trí tuệ 3. Sử dụng tối đa đội ngũ nhân sự hiện có của UBND huyện 4. Đơn giản hóa thủ tục hành chính 5. Đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình hoạt động, trên các phương tiện chính như: tổ chức, nhân sự, tài chính 6. Phù hợp với điều kiện thực tế của UBND huyện, phù hợp với xu thế chung của Việt Nam về quản lý NHCN 7. Đảm bảo tính linh động, dễ thay đổi cơ cấu trong quá trình hoạt động, tăng dần mức độ hiệu quả.
2	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, quy chế quản lý và sử dụng NHCN. 2. Cấp và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. 3. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy chế liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu". 4. Xử lý hoặc yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý khi phát hiện các hành vi vi phạm quy định về quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận. 5. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu trong công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu". 6. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người sử dụng; bảo vệ uy tín và danh tiếng của nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu". 7. Tuyên truyền, hướng dẫn Người sử dụng chấp hành các quy

TT	Quy định	Nội dung cụ thể
		chế, quy trình liên quan đến Nhãn hiệu chứng nhận. 8. Phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền, quảng bá về Nhãn hiệu chứng nhận. 9. Hỗ trợ cung cấp thông tin về sản xuất, tiêu thụ và quảng bá sản phẩm. 10. Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp trong quá trình quản lý Nhãn hiệu chứng nhận. 11. Tiếp nhận các nguồn tài trợ của ngân sách Nhà nước và các tổ chức, cá nhân và chủ động sử dụng nguồn kinh phí này để phát triển thương hiệu "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" theo quy định của pháp luật.
3	Nguồn kinh phí hoạt động	1. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN 2. Phí xét nghiệm, thẩm định sản phẩm mang NHCN 3. Tài trợ của ngân sách Nhà nước và các tổ chức, cá nhân. 4. Các nguồn khác.
4	Sử dụng kinh phí	1. Trả phụ cấp cho những người thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhãn hiệu chứng nhận. 2. Chi trả chi phí xét nghiệm, thẩm định sản phẩm. 3. Chi phí giao dịch, trao đổi thông tin. 4. Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị làm việc. 5. Chi phí hành chính và các khoản chi phí khác phục vụ cho hoạt động quản lý Nhãn hiệu chứng nhận và quảng bá thương hiệu.





1.8. Hoàn thiện hồ sơ, nộp và theo dõi hồ sơ:

Sau khi hoàn thiện các nội dung trên, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu xây dựng Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu nộp Cục sở hữu trí tuệ nhằm xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Bộ hồ sơ bao gồm các nội dung chính:

Tờ khai đăng ký nhãn hiệu chứng nhận

(i). Bộ tiêu chí chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

(ii). Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

(iii). Mẫu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu (logo).

(iv). Bản đồ địa lý sản phẩm mang NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

(v). Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên cho phép sử dụng tên địa danh "Chí Tân – Khoái Châu" để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm liên quan đến nghệ.

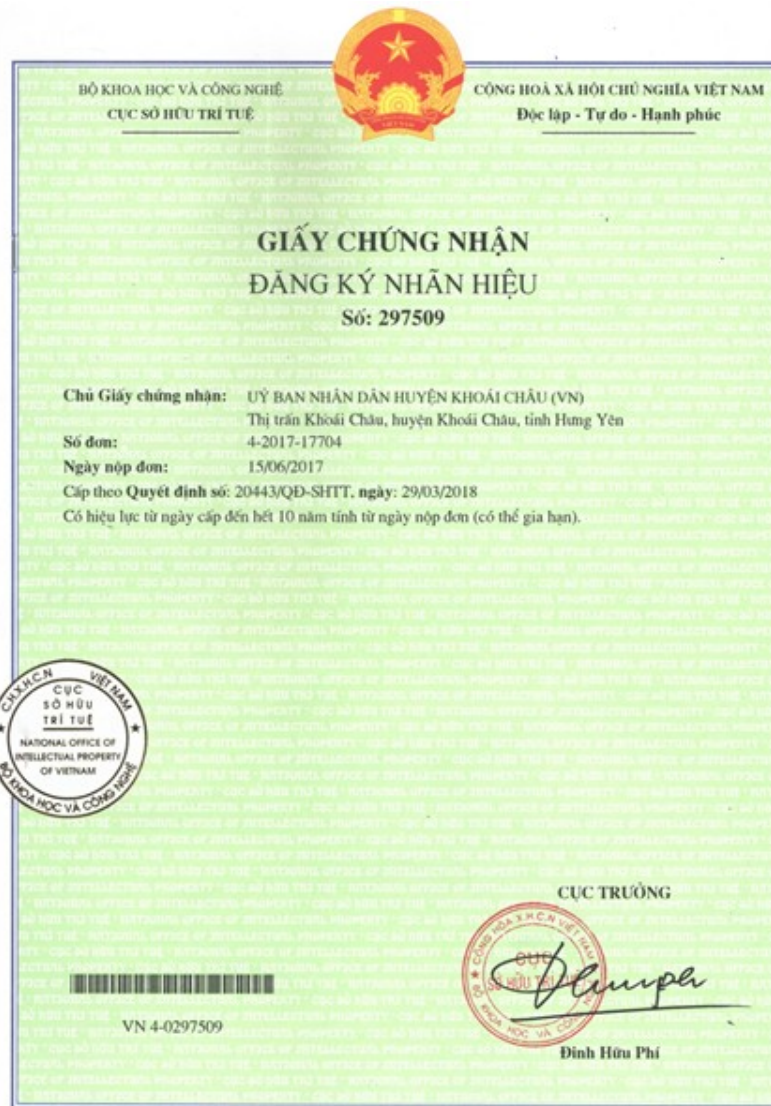
Quá trình nộp và theo dõi hồ sơ tại cục Sở hữu trí tuệ như sau:

- Hồ sơ được nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ ngày 05/06/2017, số đơn 4-2017-17704.

- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 43356/QĐ-SHTT ngày 29/06/2017.

- Dự định cấp văn bằng và nộp phí và lệ phí số 6555/SHTT-CDNH ngày 07/03/2018.

Cục sở hữu trí tuệ đã có Quyết định số 20443/QĐ-SHTT, ngày 29 tháng 03 năm 2018, về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.



Hình 6: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”

2. Kết quả thực hiện nội dung quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

2.1. Xây dựng mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"

- Xây dựng mô hình tổ chức quản lý NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"

- Việc vận hành thử nghiệm các hoạt động Tổ chức chứng nhận đã được triển khai trong thực tế.

- Sau khi tiến hành thử nghiệm các hoạt động của Tổ chức chứng nhận, công tác tổng kết, đánh giá các hoạt động đã được thực hiện.

2.2. Xây dựng và hoàn thiện các công cụ để quản lý và kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

2.2.1. Xây dựng và ban hành Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"

- Nhằm phục vụ cho quá trình quản lý nhãn hiệu chứng nhận, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp với các đơn vị có liên quan Xây dựng Quy trình

cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".

- Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" đã có sự đóng góp của Phòng NNPTNT huyện Khoái Châu.

- Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" đã được Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu ban hành.

- Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" được ban hành bao gồm các nội dung chính:

Bảng 12: Tóm tắt nội dung chính quy trình cấp và thu hồi

TT	Chương, Điều	Nội dung
I	Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG
1	Điều 1	Mục tiêu
2	Điều 2	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
3	Điều 3	Giấy chứng nhận
4	Điều 4	Điều kiện cấp Giấy chứng nhận
5	Điều 5	Những trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận
II	Chương II	NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
6	Điều 6	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận
7	Điều 7	Trình tự tiếp nhận Hồ sơ và xem xét cấp Giấy chứng nhận
8	Điều 8	Thời hạn thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận
9	Điều 9	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận
10	Điều 10	Trình tự, thủ tục và thời hạn sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận
11	Điều 11	Các trường hợp thu hồi hoặc hủy bỏ Giấy chứng nhận
12	Điều 12	Kinh phí cấp và sử dụng NHCN
III	Chương III	VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
13	Điều 13	Hành vi vi phạm Quy trình
14	Điều 14	Xử lý vi phạm
15	Điều 15	Giải quyết khiếu nại, tố cáo
IV	Chương IV	TỔ CHỨC THỰC HIỆN
16	Điều 16	Tổ chức thực hiện
17	Điều 17	Sửa đổi, bổ sung quy trình

2.2.2. Xây dựng và ban hành Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

- Đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã Xây dựng Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, nhằm phục vụ cho quá trình quản lý của Tổ chức chứng nhận.

- Quy chế kiểm soát sau khi được xây dựng đã có sự tham vấn ý kiến của đại diện UBND huyện Khoái Châu, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, đại diện các hộ dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu tại địa phương, các chuyên gia thông qua Hội thảo khoa học.

- Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã ra Quyết định ban hành Quy chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu. Quy chế bao gồm các nội dung chính sau:

Bảng 13: Tóm tắt nội dung chính quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm

TT	Chương, Điều	Nội dung
I	Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG
1	Điều 1	Mục tiêu
2	Điều 2	Phạm vi điều chỉnh
3	Điều 3	Đối tượng áp dụng
II	Chương II	NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
4	Điều 4	Nguyên tắc kiểm soát
5	Điều 5	Các chỉ tiêu kiểm soát
6	Điều 6	Tổ chức kiểm soát
7	Điều 7	Quy trình và nội dung kiểm soát
8	Điều 8	Kết quả đánh giá
III	Chương III	TỔ CHỨC THỰC HIỆN
9	Điều 9	Tổ chức thực hiện

2.2.3. Xây dựng Quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”

- Đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã Xây dựng Quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”, nhằm phục vụ cho quá trình quản lý của Tổ chức chứng nhận.

- Quy chế sử dụng tem nhãn cho sản phẩm sau khi được xây dựng đã có sự tham vấn ý kiến của đại diện UBND huyện Khoái Châu, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, đại diện các hộ dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu tại địa phương, các chuyên gia thông qua Hội thảo khoa học.

- Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã ra Quyết định ban hành Quy chế sử dụng tem, nhãn cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”. Quy chế bao gồm các nội dung chính sau:

Bảng 14: Tóm tắt nội dung chính quy chế sử dụng tem nhãn cho sản phẩm

TT	Chương, Điều	Nội dung
I	Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG
1	Điều 1	Mục tiêu
2	Điều 2	Đối tượng áp dụng
3	Điều 3	Nguyên tắc quản lý, cấp và sử dụng tem, nhãn
4	Điều 4	Mẫu tem, nhãn

5	Điều 5	Cơ quan quản lý cấp tem, nhãn
II	Chương II	NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
6	Điều 6	Hồ sơ cấp tem, nhãn
7	Điều 7	Trình tự tiếp nhận, xem xét cấp tem, nhãn
8	Điều 8	Thời hạn cấp tem, nhãn
9	Điều 9	Quản lý việc cấp và sử dụng tem, nhãn
III	Chương III	VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM
10	Điều 10	Hành vi vi phạm
11	Điều 11	Nguyên tắc xử lý đối với các hành vi vi phạm
12	Điều 12	Giải quyết khiếu nại
IV	Chương IV	TỔ CHỨC THỰC HIỆN
13	Điều 13	Tổ chức thực hiện
14	Điều 14	Sửa đổi bổ sung
15	Điều 15	Hiệu lực của quy chế

2.2.4. Xây dựng chuyên đề hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ và Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu mang nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"

- Đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã chuyên đề hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ và Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu mang nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu", nhằm phục vụ cho quá trình quản lý sản xuất sản phẩm đáp ứng được các tiêu chí đã đề ra.

- Chuyên đề hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ và Quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu mang nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" sau khi được xây dựng đã có sự tham vấn ý kiến của đại diện Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Khoái Châu, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, đại diện các hộ dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu tại địa phương, các chuyên gia thông qua Hội thảo khoa học.

Bảng 15: Tóm tắt nội dung Quy trình kỹ thuật sơ chế và bảo quản sản phẩm liên quan đến nghệ

T	Chương	Nội dung
	Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG
1		Đặc điểm nổi bật của cây nghệ
2		Mục tiêu
3		Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
3.1		Phạm vi điều chỉnh
3.2		Đối tượng áp dụng
	Chương II	HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH KỸ THUẬT SƠ CHẾ VÀ BẢO QUẢN SẢN PHẨM BỘT NGHỆ VÀ TINH

		BỘT NGHỆ
I		Bột nghệ
1		Quy trình sơ chế
2		Bảo quản sản phẩm bột nghệ
II		Tinh bột nghệ
1		Quy trình sản xuất
2		Bảo quản sản phẩm
	Chương III	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
	Chương IV	KẾT LUẬN CHUNG

Bảng 16: Tóm tắt nội dung Quy trình nhân giống, trồng, thu hoạch và bảo quản sản phẩm nghệ nguyên liệu

TT	Chương	Nội dung
	Chương I	QUY ĐỊNH CHUNG
1		Đặc điểm nổi bật của cây nghệ
2		Mục tiêu
3		Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
3.1		Phạm vi điều chỉnh
3.2		Đối tượng áp dụng
	Chương II	HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH NHÂN GIỐNG, TRỒNG, TH HOẠCH VÀ BẢO QUẢN SẢN PHẨM
I		Phương pháp nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào
1		Giai đoạn chọn mẫu
2		Nuôi cấy nghệ
3		Nhân giống
4		Tạo cây hoàn chỉnh invitro
5		Chuyển cây ra vườn
II		Kỹ thuật trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh
1		Chọn giống
2		Cách trồng
3		Bón phân chăm sóc
4		Phòng trừ sâu bệnh
III		Thu hoạch và bảo quản
1		Thu hoạch
2		Bảo quản nghệ sau thu hoạch

2.2.5. Vận hành hệ thống quản lý nhãn hiệu chứng nhận

- Hệ thống quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được đưa vào vận hành thử nghiệm;

- Quá trình theo dõi và đánh giá việc vận hành hệ thống quản lý nhãn hiệu chứng nhận đã được thực hiện.

- UBND huyện Khoái Châu đã xem xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cho 20 tổ chức, hộ gia

đình, cá nhân đủ điều kiện được sử dụng, khai thác nhãn hiệu chứng nhận mang thương hiệu Chí Tân – Khoái Châu, bao gồm:

Bảng 17: Các hộ dân đã được xem xét để UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

T T	Hộ gia đình	Địa chỉ
1	Đỗ Thị Bích	Thôn Nghi Xuyên, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
2	Nguyễn Thị Vui	Thôn Nghi Xuyên, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
3	Nguyễn Văn Cường	Thôn Nghi Xuyên, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
4	Nguyễn Văn Hoán	Thôn Nghi Xuyên, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
5	Nguyễn Thị Lan	Thôn Nghi Xuyên, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
6	Nguyễn Văn Nam	Thôn Nghi Xuyên, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
7	Nguyễn Thị Hiên	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
8	Nguyễn Đình Văn	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
9	Đình Ngọc Thiên	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
10	Phạm Thị Khương	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
11	Trần Thị Chuyên	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
12	Nguyễn Thị Quyên	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
13	Nguyễn Đức Thái	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
14	Đình Thị Đông	Thôn Cốc Phong, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
15	Đào Văn Sinh	Thôn Tân Hưng, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
16	Lê Phong	Thôn Tân Hưng, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
17	Đào Thị Mến	Thôn Tân Hưng, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
18	Hoàng Quang Phú	Thôn Tân Hưng, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
19	Hoàng Thị Hà	Thôn Tân Hưng, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên
20	Hoàng Quang Đông	Thôn Tân Hưng, Chí Tân, Khoái Châu, Hưng Yên

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo Quy chế cấp và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

3. Kết quả thực hiện nội dung phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu”

3.1. Xây dựng nội dung các phương tiện quảng bá Nghệ Chí Tân - Khoái Châu mang nhãn hiệu chứng nhận

3.1.1. Thiết kế nội dung các phương tiện quảng bá truyền thông cho sản phẩm

Nhằm phục vụ cho công tác quảng bá sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp cùng cơ quan chuyên môn tiến hành thiết kế nội dung các phương tiện quảng bá truyền thông cho sản phẩm, bao gồm:

- Thiết kế sổ tay hệ thống nhận diện;
- Thiết kế tem, nhãn hàng hóa;
- Thiết kế poster;
- Thiết kế tờ rơi;

- Thiết kế biển quảng cáo tấm lớn ngoài trời;
- Thiết kế kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận (chai lọ, hộp đựng sản phẩm...);
- Thiết các phương tiện truyền thông cho sản phẩm...



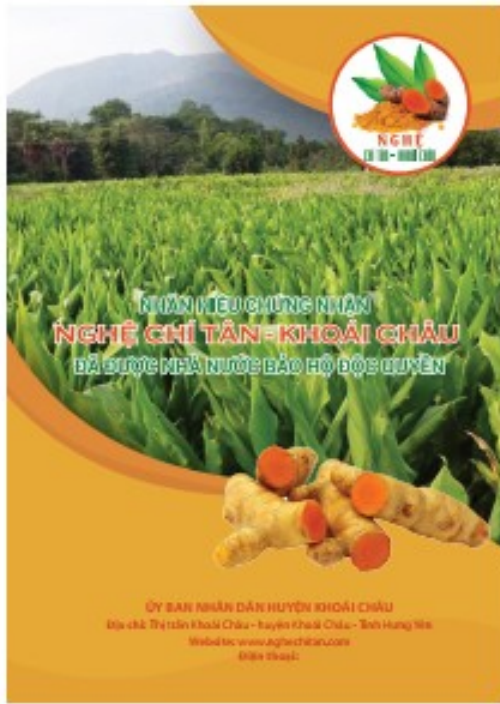
Hình 7: Một số mẫu tem và tem chống hàng giả cho sản phẩm

Poster

Standee



Hình 8: Poster, standee quảng bá sản phẩm



Mặt trước



Mặt sau

Hình 9: Tờ rơi giới thiệu sản phẩm

Bao bì sản phẩm



Hình 10: Một số mẫu bao bì sản phẩm

Túi Nilon



Hình 11: Túi nilon đựng sản phẩm

3.1.2. Thiết kế nội dung cho các chương trình truyền thông quảng bá sản phẩm

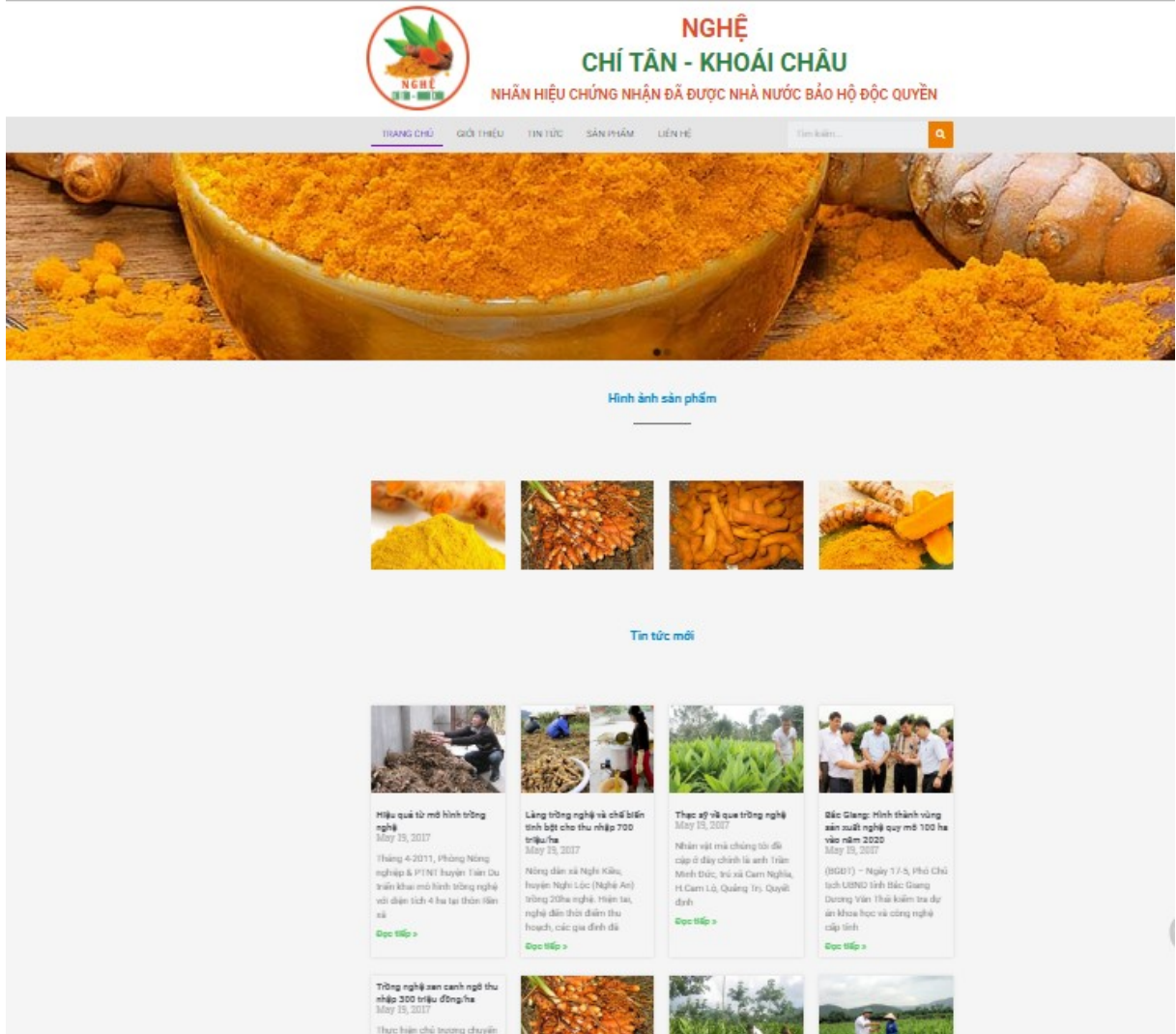
Nhằm phục vụ cho công tác quảng bá các sản phẩm liên quan đến nghệ mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, đơn vị chủ trì đã phối hợp cùng các đơn vị chuyên môn triển khai thực hiện các nội dung quảng bá cho sản phẩm trên các phương tiện thông tin, bao gồm:

Bảng 18: Thực hiện nội dung truyền thông cho sản phẩm

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1	Viết bài đăng trên báo Thương hiệu và Công luận	Bài	02
2	Viết bài báo đăng trên tạp chí Chất lượng Việt Nam	Bài	02

3.1.3. Thiết kế Xây dựng website quảng bá và giới thiệu sản phẩm

Đơn vị chủ trì dự án đã xây dựng nội dung, thiết kế và bàn giao website nghechitan.com nhằm quảng bá và giới thiệu sản phẩm được tốt hơn.



Hình 12: Giao diện chính của website



Hình 13: Biển quảng cáo ngoài trời được lắp đặt trên địa bàn xã Chí Tân

4. Kết quả về nội dung tổ chức tập huấn, tăng cường năng lực cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Bảng 19: Nội dung tập huấn đã được tổ chức

TT	Nội dung	Tổng số lượt học viên tham gia
1	Tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức cho người dân, cơ sở sản xuất về Sở hữu trí tuệ và NHCN	> 50
2	Tập huấn về thực thi quyền sở hữu trí tuệ	> 50
3	Tập huấn hướng dẫn truy xuất nguồn gốc sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"	> 60
4	Tập huấn nâng cao kiến thức về xây dựng và bảo vệ thương hiệu mang NHCN	> 60

II. Phương án triển khai đã được áp dụng trong dự án

1. Phương án tổ chức

- Đơn vị chủ trì thực hiện dự án: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt là đơn vị chủ trì thực hiện dự án, chịu trách nhiệm chung đối với quá trình triển khai thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện dự án sẽ có sự phối hợp của Phòng NNPTNT huyện Khoái Châu, UBND xã Chí Tân, trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm cùng các đơn vị liên quan khác.

- Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, đối tượng thụ hưởng: Trong quá trình triển khai thực hiện, đơn vị chủ trì thực hiện dự án sẽ thường xuyên phối hợp cùng Chủ sở hữu NHCN – UBND huyện Khoái Châu và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm tại địa phương.

2. Phương án chuyên môn

Trong quá trình thực hiện dự án, cơ quan chủ trì dự án sẽ huy động sự tham gia của các cơ quan quản lý có liên quan ở Trung ương và địa phương vào các hạng mục tương ứng của dự án:

+ Mời một số phòng ban chuyên môn và chuyên gia của Cục SHTT tham gia tư vấn về các vấn đề liên quan đến SHTT, NHCN;

+ Phối hợp với UBND huyện xem xét những vi phạm về nhãn hiệu giả, sản phẩm kém chất lượng...

3. Phương án về tài chính

- Kinh phí thực hiện dự án từ ngân sách sự nghiệp Khoa học Công nghệ của tỉnh Hưng Yên năm 2017 - 2018.

- Đơn vị chủ trì sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan và các cá nhân triển khai thực hiện dự án tiến hành phân định các nội dung và kinh phí tương ứng. Đơn vị chủ trì thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chi tiêu dự án của nhóm thực hiện dự án cũng như các đơn vị phối hợp để bảo đảm việc chi tiêu, thanh quyết toán dự án đúng nội dung, mức chi và thủ tục theo quy định.

III. Các kết quả đạt được

1. Kết quả chung

- Nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghề của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên được cấp văn bằng bảo hộ độc quyền;

- Hệ thống các quy trình, quy chế được xây dựng ban hành, áp dụng;

- Phương án quản lý, khai thác nhãn hiệu chứng nhận được thiết lập;

- Bộ máy quản lý, kiểm soát và khai thác nhãn hiệu chứng nhận được vận hành và tổ chức chặt chẽ. Trên cơ sở đó, nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được phát triển thêm một bước cả về chất và lượng;

- Công tác tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về Sở hữu trí tuệ, về thương hiệu về an toàn thực phẩm, đã góp phần mang lại hiệu quả tích cực cho các tác nhân liên quan tại địa phương;

- Hệ thống phương tiện, công cụ truyền thông được thiết kế, xây dựng bài bản có tính ứng dụng cao (website, tờ rơi, poster, kiểu dáng bao bì, tem nhãn, biển hiệu cửa hàng, biển quảng cáo tấm lớn ngoài trời...)

- Thương hiệu của sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu ngày càng được khẳng định và phát triển, tăng lợi nhuận cho người dân địa phương cũng như các cơ sở kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

- Dự án đã góp phần tích cực trong việc lập lại trật tự hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghề mang thương hiệu Nghệ Chí Tân – Khoái Châu, chuyên nghiệp và hiệu quả;

- Dự án đã tạo niềm tin cho nhiều tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư sản xuất kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

- Dự án đã xác định được địa vị pháp lý cho thương hiệu sản phẩm nghề mang nhãn hiệu chứng nhận nghệ Chí Tân - Khoái Châu trên thị trường, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm.

2. Kết quả cụ thể

Dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghề của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên được triển khai thực hiện đảm bảo các kết quả đầu ra như đã được phê duyệt, kết quả của toàn dự án được tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 20: Tổng hợp các kết quả đã hoàn thành của dự án

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
I	Khảo sát nghiên cứu, đánh giá về thực trạng		
1	Điều tra, khảo sát về quy mô, hiện trạng, đánh giá nhu cầu cần thiết bảo hộ sản phẩm và vùng sản xuất phục vụ triển khai thực hiện dự án	Đợt	01
II	Xác lập quyền SHTT cho NHCN "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu"		

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận	Hồ sơ	01
2	Văn bằng được bảo hộ	Văn bằng	01
III	Các cuộc Hội thảo, hội nghị, tập huấn đã được tổ chức	Cuộc	14
IV	Bộ công cụ quản lý NHCN		
1	Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu	Quy chế	01
2	Quy trình cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Quy trình	01
3	Quy chế sử dụng tem nhãn sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu	Quy chế	01
3	Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang NHCN	Quy trình	01
4	Hệ thống biểu mẫu ghi chép, theo dõi hoạt động	Hệ thống	01
5	Mô hình tổ chức quản lý NHCN	Mô hình	01
V	Sản phẩm thiết kế in ấn thử nghiệm, truyền thông, bản đồ		
1	In nhãn sản phẩm	Sản phẩm thiết kế sáng tạo, ấn tượng được sản xuất in ấn thử nghiệm thực tế có tính ứng dụng cao	
	Sổ tay thương hiệu mang NHCN		
	In ấn tờ rơi giới thiệu sản phẩm		
	In ấn poster quảng cáo		
	Tem chống hàng giả		
	Hộp đựng sản phẩm		
	Chai lọ đựng sản phẩm		
	Túi đựng sản phẩm		
2	Bản đồ vùng sản phẩm mang NHCN	Bản đồ	01
3	Website giới thiệu sản phẩm	Website	01
4	Viết bài quảng bá sản phẩm đăng trên báo	Bài	04
VI	Sản phẩm báo cáo của dự án		
1	Chuyên đề xây dựng thương hiệu cho sản phẩm mang NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu"	Chuyên đề	01
2	Chuyên đề sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ, khai thác tài sản trí tuệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với NHCN	Chuyên đề	01
3	Báo cáo tổng kết dự án	Báo cáo	01

PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ

1. Về công tác tổ chức chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện dự án

1.1. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án

- Đơn vị chủ trì: Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, có đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, và kinh nghiệm thực địa tốt, đáp ứng được yêu cầu của dự án.

- Chủ nhiệm dự án: là người say mê trong nghiên cứu khoa học, am hiểu về địa bàn, địa phương triển khai thực hiện dự án, am hiểu về sản phẩm, có kinh nghiệm chuyên môn, kinh nghiệm tổ chức, quản lý và điều hành việc thực hiện dự án.

- Kinh nghiệm chung rút ra trong quá trình thực hiện dự án là: Để dự án đạt kết quả tốt nhất phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ nhiệm dự án, đơn vị chủ trì, các cơ quan chuyên môn và địa phương, tranh thủ sự tư vấn, hỗ trợ của Cục Sở hữu trí tuệ, sự quan tâm tạo điều kiện của các cơ quan chuyên môn và tổ chức đoàn thể xã hội khác... trong đó, huy động sự tham gia của cộng đồng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ vào quá trình thực hiện dự án cũng là một trong những yếu tố quan trọng.

1.2. Các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện dự án

Trung tâm nghiên cứu và kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm, Công ty cổ phần Phúc An Lộc, công ty cổ phần Bách Khoa Star có đủ điều kiện về trang thiết bị, công nghệ, nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật, có tư cách pháp nhân, có chức năng được pháp luật quy định, đã tham gia thực hiện thành công nhiều dự án xây dựng nhãn hiệu chứng nhận và các hình thức sở hữu trí tuệ tương tự. Kết quả thực hiện dự án đã chứng tỏ các cơ quan chuyên môn đáp ứng được tốt nhất các mục tiêu dự án đề ra.

Cán bộ tham gia thực hiện dự án bao gồm những cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp... có kinh nghiệm về quản lý, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có liên quan đến nghệ, am hiểu địa bàn, có tinh thần trách nhiệm cao với trách nhiệm được giao. Ngoài ra còn có sự tham gia của lãnh đạo địa phương cơ sở, các hộ dân sản xuất và kinh doanh sản phẩm... đã góp phần đáng kể vào kết quả thành công của dự án.

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cụ thể của dự án

Các mục tiêu cụ thể của dự án được phê duyệt tại Thuyết minh dự án và mức độ hoàn thành các mục tiêu của dự án được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 21: Tổng hợp mức độ hoàn thành các mục tiêu của dự án

MỤC TIÊU	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ
Mục tiêu 1	Xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đạt

Mục tiêu 2	Thiết lập và vận hành mô hình quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu” trên thực tế với quy mô thí điểm	Đạt
Mục tiêu 3	Đảm bảo sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu” khi tiêu thụ trên thị trường được kiểm soát, quản lý chặt chẽ	Đạt
Mục tiêu 4	Nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận, từng bước tạo lập và phát triển các kênh thương mại, ổn định đầu ra cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”	Đạt
Mục tiêu 5	Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận phải có nguồn gốc, truy suất nguồn gốc đầy đủ	Đạt
Mục tiêu 6	Đảm bảo sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận " Nghệ Chí Tân – Khoái Châu " khi lưu thông trên thị trường phải có tem - nhãn, mã số, mã vạch đầy đủ theo quy định của pháp luật	Đạt
Mục tiêu 7	Thiết kế khung tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đến nhiều người tiêu dùng, thông qua việc xây dựng website, hội chợ, thiết kế phát hành tờ rơi, poster, sổ tay thương hiệu, xây dựng phim tư liệu giới thiệu về sản phẩm..	Đạt

Mục tiêu 1: Xác lập quyền sở hữu trí tuệ nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Đây là mục tiêu chính của nội dung Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu

Luận chứng: Để xác lập quyền sở hữu trí tuệ NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, đơn vị chủ trì thực hiện dự án, đơn vị phối hợp thực hiện dự án đã thu thập các tài liệu nghiên cứu về thực trạng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ nói chung và Nghệ Chí Tân - Khoái Châu nói riêng. Bên cạnh đó, các đợt khảo sát đánh giá về quy mô, hiện trạng, kinh nghiệm sản xuất sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được thực hiện, thông qua các hình thức phỏng vấn sâu, phỏng vấn bằng phiếu hỏi, thu thập các tài liệu nghiên cứu có liên quan.

Để xây dựng bộ hồ sơ nộp Cục sở hữu trí tuệ xác lập quyền nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu. Đơn vị chủ trì thực hiện

dự án đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu, người dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, các đơn vị chuyên môn, thiết kế mẫu nhãn hiệu chứng nhận; xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, bản đồ vùng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận,... các nội dung trên sau khi xây dựng đã được lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

Bộ hồ sơ xác lập quyền NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân - Khoái Châu” số 297509 đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp cho đơn vị chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận là Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu, theo Quyết định số 20443/QĐ-SHTT ngày 29/03/2018, Cụ thể:

Số đơn: 4-2017-17704, ngày nộp đơn 05/06/2017;

Nhóm 05: Củ nghệ, bột nghệ và tinh bột nghệ dùng cho mục đích được phẩm, bổ sung dinh dưỡng và ăn kiêng.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý, trưng bày và giới thiệu các sản phẩm sau: củ nghệ, bột nghệ và tinh bột nghệ..

Mục tiêu 2: Thiết lập và vận hành mô hình quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu” trên thực tế với quy mô thí điểm

Mục tiêu này nhằm xây dựng hệ thống tổ chức, các phương tiện, điều kiện để quản lý và khai thác giá trị mang thương hiệu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, dựa trên các kết quả đã thực hiện được của dự án cho thấy **mục tiêu này của dự án cơ bản đã đạt được.**

Luận chứng:

- Dự án đã xác định Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu; bên cạnh đó, nhằm phục vụ cho việc xây dựng mô hình tổ chức quản lý NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, dự án đã tổ chức thu thập, tổng hợp thông tin về kinh nghiệm xây dựng và vận hành mô hình quản lý NHCN ở trong và ngoài nước.

- Dự án đã tiến hành xây dựng mô hình tổ chức quản lý NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu tại huyện Khoái Châu; mô hình sau khi được xây dựng đã tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức và cá nhân có liên quan, bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên, đại diện UBND huyện Khoái Châu, Phòng NNPTNT huyện, đại diện các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ. Ngoài ra, nhằm phục vụ cho quá trình quản lý NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã ban hành hệ thống các quy chế, quy trình, hệ thống sổ sách theo dõi, ghi chép quá trình quản lý và sử dụng NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

Công tác quản lý NHCN là nội dung mới so với UBND huyện, do đó trong giai đoạn thực hiện dự án mới chỉ được triển khai với quy mô thí điểm, trong quá trình hoạt động mô hình sẽ dần được ổn định và tổ chức lại cho phù hợp hơn với thực tế

Với việc ban hành Mô hình tổ chức quản lý NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu và hệ thống các quy trình, quy chế có liên quan, sẽ góp phần quản lý NHCN một cách chặt chẽ, có hiệu quả trong thực tế, phù hợp với mục tiêu cụ thể của dự án.

Mục tiêu 3: Đảm bảo sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu” khi tiêu thụ trên thị trường được kiểm soát, quản lý chặt chẽ

Đây là một trong những mục tiêu quan trọng mà dự án hướng tới; theo đó, sau khi thực hiện dự án, các sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu khi lưu thông trên thị trường sẽ được kiểm soát, quản lý chặt chẽ *mục tiêu này của dự án đã đạt được.*

Luận chứng: Các sản phẩm liên quan đến nghệ mang NHCN khi lưu thông trên thị trường phải đảm bảo những tiêu chí nhất định về nguồn gốc, xuất xứ; sản phẩm phải được sản xuất theo quy trình sản xuất. Theo đó:

- Các sản phẩm liên quan đến nghệ mang NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu là sản phẩm đảm bảo đáp ứng được các tiêu chí về chất lượng;
- Sản phẩm phải được sản xuất trong vùng bản đồ sản phẩm mang NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ;
- Sản phẩm phải được gắn nhãn theo quy cách thống nhất, đảm bảo các quy định về tem nhãn của Chính phủ và của hệ thống các quy chế đã được Chủ sở hữu NHCN ban hành.

Nhằm phục vụ cho việc quản lý, kiểm soát các sản phẩm liên quan đến nghệ mang thương hiệu Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quản lý có liên quan, bao gồm:

- Quy chế quản lý và sử dụng NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;
- Quy chế sử dụng tem nhãn sản phẩm mang NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;
- Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;
- Quy chế cấp, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

Với việc ban hành hệ thống các quy chế, quy trình có liên quan, sẽ đảm bảo sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu khi lưu thông trên thị trường sẽ được kiểm soát một cách chặt chẽ.

Mục tiêu 4: Nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận, từng bước tạo lập và phát triển các kênh thương mại, ổn định đầu ra cho sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân – Khoái Châu”

Đây là mục tiêu mang tính bền vững của dự án, để hoàn thành được mục tiêu này cần phải có thời gian để triển khai hoạt động, NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu có đủ thời gian để phát huy hiệu quả trong thực tế; do thời gian triển khai thực hiện dự án là có giới hạn, do vậy chưa đủ cơ sở để kết luận chính

xác mục tiêu này; tuy nhiên, thông qua các hoạt động đã được triển khai của dự án có thể kết luận ***mục tiêu này của dự án bước đầu đã đạt được.***

Luận chứng:

- NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được xác lập và sử dụng sẽ góp phần nâng cao giá trị sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu mang NHCN.

- Với các công cụ quản lý NHCN và ban hành sẽ từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, góp phần gia tăng sản lượng tiêu thụ và giá cả sản phẩm.

- Bên cạnh đó, nhằm quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận, dự án đã xây dựng và ban hành hệ thống các phương tiện phục vụ cho quá trình quảng bá sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, bao gồm:

+ Xây dựng, ban hành và in ấn, thử nghiệm hệ thống nhận diện mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu (biểu tượng, tem nhãn, bao bì sản phẩm, phương tiện, tài liệu tuyên truyền quảng bá, hộp đựng sản phẩm...);

+ Xây dựng và vận hành website quảng bá cho sản phẩm;

- Bên cạnh đó, dự án đã tổ chức các lớp tập huấn cho các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu; tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm (hỗ trợ trong việc giới thiệu sản phẩm,...);

Thông qua các hoạt động nêu trên, sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được quảng bá, giới thiệu rộng rãi đến người tiêu dùng, từ đó tăng thị phần sản phẩm trên thị trường, góp phần nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm mang NHCN, xúc tiến thương mại và phát triển kênh hàng bền vững, ổn định.

Mục tiêu 5,6:

- Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận phải có nguồn gốc, truy suất nguồn gốc đầy đủ.

- Đảm bảo sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận " Nghệ Chí Tân – Khoái Châu " khi lưu thông trên thị trường phải có tem - nhãn, đầy đủ theo quy định của pháp luật

Dự án đã xây dựng hệ thống sổ sách quản lý NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, theo đánh giá thì ***mục tiêu này của dự án đã đạt được.***

Luận chứng:

Thực chất mục tiêu này sẽ được hoàn thành thông qua việc Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu cũng đã ban hành Quy chế sử dụng tem nhãn sản phẩm mang NHCN Nghệ Chí Tân - Khoái Châu và hệ thống sổ sách quản lý NHCN.

Mục tiêu 7: Thiết kế khung tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đến nhiều người tiêu dùng, thông qua việc xây dựng website, biển quảng cáo, thiết kế phát hành tờ rơi, poster, sổ tay thương hiệu, xây dựng phim tư liệu giới thiệu về sản phẩm...

Dự án đã tiến hành hệ thống các hoạt động nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm mang thương hiệu Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đến với nhiều người tiêu dùng ***mục tiêu này của dự án đã thực hiện được.***

Luận chứng:

- Mục tiêu 1 của dự án đã được thực hiện thành công, nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đã được cấp văn bằng bảo hộ.

- Dự án đã thiết kế, ban hành, in ấn bộ nhận diện sản phẩm (poster quảng cáo, tờ rơi, hệ thống tem nhãn, bao bì cho sản phẩm,...).

3. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội

3.1. Hiệu quả kinh tế

NHCN Nghệ Chí Tân – Khoái Châu khẳng định được nguồn gốc, xuất xứ, đặc điểm ngoại hình và chất lượng của các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu. Đây là cơ hội thuận lợi, phát huy lợi thế cạnh tranh để làm tăng giá trị kinh tế cho người trồng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ trên địa bàn huyện Khoái Châu.

NHCN là một trong những đối tượng sở hữu công nghiệp được thế giới rất quan tâm và phát triển. Nhưng ở Việt Nam NHCN mới được quan tâm xây dựng và phát triển trong mấy năm trở lại đây (khoảng 2005). Riêng đối với NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHCN ngày 29 tháng 3 năm 2018. Vì vậy chưa thể đánh giá hết được hiệu quả kinh tế của NHCN tại thời điểm kết thúc dự án. Tuy nhiên, qua theo dõi cho thấy cho thấy tại huyện Khoái Châu có khoảng 270 ha trồng nghệ, trong đó, diện tích chuyển đổi từ trồng lúa kém hiệu quả sang mô hình trồng nghệ khoảng 100 ha, tập trung chủ yếu tại các xã Chí Tân, Thuận Hưng, Đại Hưng. Hằng năm toàn huyện Khoái Châu cung cấp cho thị trường khoảng 8.000 tấn nghệ tươi/năm. Nhờ phát triển sản xuất, chế biến kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ các hộ ở Khoái Châu có thu nhập trung bình từ 100-300 triệu/ năm. Nhiều hộ đã thoát nghèo và từng bước vươn lên làm giàu từ cây nghệ, qua đó đã góp phần không nhỏ trong việc tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở vùng nông thôn.

Phát triển NHCN có tác động tích cực đối với phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, góp phần giữ gìn truyền thống của ngành trồng trọt là ngành phát triển kinh tế mũi nhọn của huyện, bằng cách duy trì uy tín, chất lượng, danh tiếng của sản phẩm và các kinh nghiệm cũng như quy trình sản xuất.

Dự án được triển khai đã góp phần khẳng định được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, chỉ rõ được tính chất và chất lượng đặc thù của sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu khác với các sản phẩm của các vùng sản xuất nghệ khác trong cả nước. Đây là một trong những thuận lợi trong việc tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường, làm tăng giá trị sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu. Việc xây dựng thành công nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu góp phần nâng cao giá trị sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu trên thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho vùng sản xuất nghệ Khoái Châu.

Việc giới thiệu và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" cho các sản phẩm liên quan đến nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hội chợ, triển lãm... nhằm mục đích xây dựng, lấy được uy tín, hình ảnh, tên tuổi của Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, nâng cao giá trị kinh tế cho sản xuất các sản phẩm nghệ trên thị trường.

Các kết quả đầu ra của dự án đã được hoàn thành so với Hợp đồng được ký kết giữa Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Hưng Yên và đơn vị chủ trì thực hiện dự án. Qua đó góp phần hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển Kinh tế Xã hội 5 năm 2016 – 2020, định hướng đến 2025 của tỉnh Hưng Yên. Các kết quả của dự án đã có những tác động đối với tỉnh Hưng Yên như sau:

- Dự án đã góp phần thực hiện thành công Chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu có thể mạnh của tỉnh Hưng Yên;
- Dự án đã góp phần thực hiện thành công Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017 - 2020;
- Dự án đã góp phần tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ địa phương về SHTT, về nhãn hiệu, về thương hiệu;
- Dự án được thực hiện đã góp phần tăng cường năng lực cho các tác nhân tham gia các nội dung về sở hữu trí tuệ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận.

3.2. Hiệu quả xã hội

NHCN là căn cứ pháp lý quan trọng và lâu dài, góp phần làm tăng giá trị tích lũy và phát triển cho thương hiệu Nghệ Chí Tân – Khoái Châu. Đồng thời, giữ gìn và phát triển một số loại sản phẩm có thể mạnh, bảo tồn và tôn vinh nét đẹp văn hóa truyền thống nông nghiệp của vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Giúp cộng đồng hiểu biết cơ bản các quy định của pháp luật SHTT khi sử dụng NHCN "Chí Tân – Khoái Châu" cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu.

Nâng cao hiệu quả thực thi: chủ sở hữu nhận biết về quyền lợi và nghĩa vụ, vai trò quan trọng của việc bảo hộ NHCN trong sản xuất và kinh doanh; các thành viên hiểu biết về giá trị tài sản trí tuệ trong việc sử dụng NHCN; cơ quan quản lý có định hướng hỗ trợ các hộ trồng, sản xuất và kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản lý; cộng đồng được cung cấp các thông tin thực tế về NHCN.

Danh tiếng và uy tín của sản phẩm được bảo đảm ổn định bằng chất lượng, góp phần gia tăng giá trị và được pháp luật bảo vệ trên thị trường.

Nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu" cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu là căn cứ pháp lý quan trọng và lâu dài, góp phần làm tăng giá trị của các sản phẩm liên quan đến nghệ, xây dựng lên vùng sản xuất nghệ có "thương hiệu", khẳng định tính nhất quán của sản phẩm;

Dự án được thực hiện thành công sẽ là mô hình điềm để nhân rộng về xây dựng nhãn hiệu chứng nhận, nâng cao giá trị cho các sản phẩm đặc trưng khác của tỉnh Hưng Yên, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;

Dự án tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích nông dân tham gia thành lập các nhóm, các đội sản xuất và Hiệp hội sản xuất, kinh doanh sản phẩm, làm

cơ sở ứng dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sản xuất và người tiêu dùng;

Đồng thời góp phần giữ gìn, phát triển một loại sản phẩm đặc trưng vừa có chất lượng cao, vừa mang đậm bản sắc truyền thống, góp phần đảm bảo bản sắc văn hóa của địa phương.

3.3. Tác động đối với người dân

Dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu được triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Dự án đã huy động sự tham gia của các xã và người dân sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ trên địa bàn huyện. Các kết quả của dự án đã có những tác động tích cực đối với người dân địa phương, các tác động chính như sau:

- Dự án đã góp phần đưa hoạt động sở hữu trí tuệ tới người dân địa phương: Sở hữu trí tuệ là lĩnh vực đặc thù, thực sự sôi động tại các thành phố lớn, các trung tâm khoa học và công nghệ, công nghiệp và thương mại phát triển. Dự án được thực hiện đã góp phần đưa các hoạt động về sở hữu trí tuệ đến với người dân địa phương.

Thông qua các hoạt động, dự án đã tiến hành các cuộc khảo sát tại huyện Khoái Châu, với sự tham gia trả lời phỏng vấn của 200 người; bên cạnh đó, thông qua hoạt động tập huấn, dự án đã tổ chức đào tạo cho tổng số trên 250 lượt học viên, là các cán bộ, người dân sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ tại huyện Khoái Châu; Ngoài ra, thông qua các hoạt động quảng bá, truyền thông, dự án đã góp phần giới thiệu về nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đến với người dân tại Hưng Yên, Hải Phòng, Hà Nội và các vùng lân cận trong nước và quốc tế,... thông qua các bài báo Trung ương và địa phương, trên website, quảng cáo trên các poster, tờ rơi,...).

- Dự án đã góp phần nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, góp phần phát triển bền vững kinh tế, xã hội. Sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu mang nhãn hiệu chứng nhận khi đưa ra thị trường phải đảm bảo các tiêu chí về chất lượng và các tiêu chí về bao bì, tem nhãn,...theo quy trình nghiêm ngặt. Thông qua các kết quả nghiên cứu cho thấy, các sản phẩm được gắn nhãn sẽ được bán với giá cao hơn, được người tiêu dùng tin tưởng ưa chuộng hơn, đã góp phần gia tăng lợi nhuận cho người dân.

Việc sử dụng sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu chứng nhận nói riêng như một công cụ cho việc phát triển sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, dự án đã góp phần gia tăng về giá trị sản phẩm, giá bán và quy mô sản xuất Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, tăng số lượng việc làm, góp phần ổn định và nâng cao giá trị kinh tế cho người dân địa phương.

- Dự án đã tác động tích cực trong việc góp phần xã hội hóa hoạt động sản xuất các sản phẩm liên quan đến nghệ tại địa phương: Hiệu quả từ việc thực hiện dự án nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu cho thấy, trong thời gian triển khai dự án, tổng số hộ sản xuất và kinh doanh các sản

phẩm liên quan đến nghệ đã tăng thêm; ngoài ra, theo số liệu khảo sát của đơn vị chủ trì vào thời điểm kết thúc dự án, nhiều hộ gia đình đã và đang tiến hành chuẩn bị mở rộng quy mô sản xuất và kinh doanh. Như vậy, với việc thực hiện dự án, quy mô sản xuất các sản phẩm liên quan đến nghệ cũng như chất lượng Nghệ Chí Tân - Khoái Châu đang ngày càng gia tăng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, ổn định và phát triển đời sống cho người dân.

- Dự án đã góp phần tích cực trong việc chia sẻ kinh nghiệm sản xuất:
Trước khi thực hiện dự án, việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ còn manh mún chủ yếu dựa vào kinh nghiệm thực tế, mạnh ai nấy làm, không có sự hướng dẫn đồng bộ về kỹ thuật, quy trình sản xuất, thông qua dự án (đặc biệt là việc tham gia tại các cuộc Hội thảo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm, ...), cho đến nay việc sản xuất các sản phẩm liên quan đến nghệ đã được tiến hành một cách đồng bộ, với chất lượng đồng đều; đặc biệt là sự chia sẻ từ những người có kinh nghiệm và tay nghề lâu năm trên địa bàn, sự chia sẻ trao đổi kinh nghiệm giữa các hộ được diễn ra thường xuyên đã góp phần từng bước nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

Như vậy, việc thực hiện dự án xây dựng và quản lý nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã có những tác động tích cực đối với người dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu của địa phương; thông qua các kết quả đã đạt được, dự án đã có những tác động tích cực như: Góp phần nâng cao giá trị sản phẩm; nâng cao chất lượng sản phẩm, thu hút sự tham gia đầu tư của nhiều người dân trong việc chuyển đổi mô hình sản xuất, tạo nhiều công ăn việc làm tại địa phương; góp phần trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp truyền thống và năng lực cạnh tranh của địa phương; gia tăng tính đoàn kết trong xây dựng phương pháp sản xuất, quản lý nâng cao chất lượng sản phẩm theo hướng kinh tế tập trung.

4. Tính bền vững

Việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận như một công cụ phát triển sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu sẽ đảm bảo được tính bền vững cho sản phẩm, cụ thể:

- Khi các kết quả của dự án phát huy trong thực tế, sẽ tạo ra niềm tin cho người sản xuất và tiêu dùng Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, góp phần gia tăng quy mô sản xuất tại địa phương;

- Bên cạnh đó, các mô hình liên kết sản xuất – kinh doanh bước đầu đã được thiết lập đảm bảo tính bền vững trong phát triển kinh tế của người dân tại địa phương;

- Bộ công cụ quản lý đã được ban hành, các phương tiện quảng bá đã được xây dựng và thực hiện, góp phần ổn định và phát triển sản xuất, duy trì và phát triển được các thị trường tiêu thụ ổn định, đảm bảo đầu ra lâu dài cho sản phẩm.

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Việc thực hiện dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghề của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là phù hợp và cần thiết với hiện tại và tương lai.

Dự án được triển khai thực hiện dưới sự quản lý và giám sát cũng như phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng, Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu và Đơn vị chủ trì thực hiện dự án – Công ty TNHH phát triển tài sản trí tuệ Việt. Bên cạnh đó, dự án có sự tham gia tích cực của Phòng NNPTNT, Phòng tư pháp huyện Khoái Châu, UBND xã Chí Tân, các cơ quan chuyên môn, đại diện các xã, tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

Đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan hoàn thành các hoạt động của dự án; các kết quả, sản phẩm đầu ra của dự án đảm bảo về số lượng, chất lượng, trong khuôn khổ khung thời gian và nguồn kinh phí theo đúng thuyết minh dự án được phê duyệt và hợp đồng được ký kết với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.

+ Dự án đã xác lập thành công quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu", được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 297509 ngày 29/03/2018.

+ Dự án đã xây dựng hoàn thiện các công cụ quản lý nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân - Khoái Châu", được chủ sở hữu thông qua và ban hành;

+ Các công cụ phát triển nhãn hiệu chứng nhận đã được hoàn thiện và ứng dụng vào thực tế: Hệ thống nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, tem nhãn sản phẩm; tờ rơi, biếm hiệu quảng cáo, website, các bài viết về sản phẩm, về vùng sản xuất đã được ban chủ nhiệm dự án cho đăng tải lên các báo;

+ Các cuộc Hội thảo, lớp tập huấn được tổ chức đúng nội dung phù hợp nhu cầu thực tế các học viên đã nâng cao kiến thức về Sở hữu trí tuệ và NHCN; Nâng cao kiến thức về xây dựng và bảo vệ thương hiệu mang NHCN.

Dự án đã góp phần thực hiện thành công Chương trình tạo lập và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 và có những đóng góp tích cực trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của huyện Khoái Châu.

Dự án được thực hiện sẽ đóng góp tích cực đối với đời sống, kinh tế, xã hội của người dân sản xuất và kinh doanh Nghệ Chí Tân - Khoái Châu.

Dự án đã có tác động tích cực trong việc nâng cao giá trị sản phẩm Nghệ Chí Tân - Khoái Châu với người tiêu dùng thông qua công tác tuyên truyền, quảng bá giới thiệu sản phẩm.

Dự án được thực hiện nghiêm túc và hoàn thành kế hoạch theo yêu cầu.

2. Kiến nghị

Nhằm duy trì các kết quả đã đạt được của dự án, góp phần thực hiện thành công việc quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, đơn vị chủ trì thực hiện dự án kiến nghị:

- UBND tỉnh Hưng Yên chỉ đạo các ngành, các tổ chức chính trị xã hội, quan tâm tuyên truyền, quảng bá nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu". Tăng cường khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để thu hút các nhà đầu tư vào các cơ sở chế biến phục vụ trực tiếp cho nhân dân Khoái Châu. Bên cạnh đó cũng cần có các chính sách quy hoạch vùng trồng nghệ nguyên liệu đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong tương lai.

- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên có thêm các hoạt động hỗ trợ trong việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong việc phát triển sản phẩm, hỗ trợ trong việc quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu;

- Sở Công thương quan tâm và tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu thông qua hoạt động, quảng bá, xúc tiến thương mại giới thiệu sản phẩm;

- Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu chỉ đạo các cấp chính quyền, nhân dân các xã, phòng NN&PTNT duy trì và thực hiện nghiêm túc các Quy trình/ quy chế. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp tuyên truyền, quảng bá, kiểm soát, quản lý và phát triển NHCN "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu" cho các sản phẩm nghệ của huyện trong thời gian tới. UBND huyện Khoái Châu cũng cần có các chính sách hỗ trợ cho người dân trong việc thực hiện vùng quy hoạch sản xuất nghệ tập trung, hỗ trợ trong việc vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất;

- Phòng NNPTNT huyện Khoái Châu tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ chức chứng nhận, nhằm thực hiện thành công nội dung quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Nghệ Chí Tân - Khoái Châu, hướng dẫn các quy trình/quy chế đã được ban hành, đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy chế; hỗ trợ người dân trong việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân – Khoái Châu".

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ DỰ ÁN
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Lê Kinh Hải

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CẢM QUAN, KẾT QUẢ PHÂN TÍCH VÀ BỘ TIÊU CHÍ CHỨNG NHẬN "NGHỆ CHÍ TÂN – KHOÁI CHÂU"

I. TỔNG QUAN

Huyện Khoái Châu là huyện nằm vị trí trung tâm tỉnh Hưng Yên, Trung tâm huyện là thị trấn Khoái Châu cách Thành phố Hưng Yên 24 km, cách thủ đô Hà Nội 22 km. Có diện tích tự nhiên 130,86 km², độ cao trung bình của huyện từ 3,5 đến 4,5m so với mực nước biển nơi cao nhất 7 - 8m nơi thấp nhất 2m.

Địa hình huyện Khoái Châu tương đối bằng phẳng, nằm ở trung tâm đồng bằng Sông Hồng. Đồng đất Khoái Châu thích hợp trồng cây lúa, trồng rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả.

Xã Chí Tân, huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên có nghề trồng nghệ từ 40 - 50 năm nay, giống nghệ trồng ở đất Chí Tân ngoài đặc tính cho năng suất cao, ổn định còn có hàm lượng dược tính cao hơn nhiều so với nghệ trồng ở các vùng khác.

Với lợi thế về thổ nhưỡng, điều kiện tự nhiên, kinh nghiệm sản xuất, cây nghệ nơi đây có năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt. Hiện nay tại xã Chí Tân, huyện Khoái Châu có trên 95% hộ gia đình trồng nghệ với khoảng 200ha nghệ vàng và gần 10ha nghệ đen cùng với 5 cơ sở sản xuất bột nghệ và tinh bột nghệ cung cấp thị trường trong nước và xuất khẩu. Theo người dân cho biết sản lượng ổn định đã mang lại hiệu quả kinh tế cao trung bình thu nhập từ 450 đến 550 triệu đồng trên 01 ha.

Bên cạnh đó, nghệ được trồng ở Chí Tân được nhiều người tiêu dùng đánh giá cao bởi chất lượng sản phẩm tốt, thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng với các loại sản phẩm được làm từ nghệ như nghệ củ tươi, nghệ củ khô, bột nghệ và tinh bột nghệ. Đặc biệt, sản phẩm nghệ của xã Chí Tân đã và đang được xuất khẩu đến một số nước và vùng lãnh thổ như: Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc...

Nghệ là cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao, là giải pháp làm giàu cho những người nông dân ở huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên bên cạnh các cây trồng khác. Chí Tân là vùng trồng nghệ truyền thống nổi tiếng ở Hưng Yên, tuy nhiên việc xây dựng thương hiệu cho cây nghệ vẫn còn nhiều khó khăn. Người trồng nghệ phải tự tìm đầu ra, giá cả thu mua phụ thuộc nhiều vào lái buôn dẫn đến tình trạng hạ giá hoặc ép giá. Nghiêm trọng hơn, những năm gần đây tên nghệ Chí Tân thường bị lạm dụng cho cả những loại nghệ khác, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín chất lượng của các sản phẩm.

Bằng chất lượng của mình, nghệ Chí Tân đã tạo được uy tín trên thị trường Hưng Yên và một số tỉnh lân cận như Hải Dương, Hà Nội, Hải Phòng. Tuy nhiên, thương hiệu và quyền sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu "Nghệ Chí Tân" chưa được xác lập và công nhận, khiến sản phẩm nghệ của huyện Khoái Châu phát triển chưa đúng với tiềm năng. Ngoài ra, hệ thống bao bì, tem nhãn, túi xách của các sản phẩm liên quan đến nghệ chưa được xây dựng một cách bài bản, chủ yếu mang tính tự phát hoặc chưa sử dụng bao bì chuyên nghiệp, gây khó khăn trong việc tiêu thụ và quảng bá sản phẩm, đồng thời cũng đem đến

không ít thiệt thòi cho sản phẩm này so với các sản phẩm liên quan đến nghệ khác trên thị trường.



Cây nghệ ở Khoái Châu

Trong bối cảnh chung của Việt Nam và trước tình hình trên, người nông dân Khoái Châu đang gặp nhiều khó khăn với công việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ. Ủy ban nhân dân huyện Khoái Châu đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tăng giá trị cây nghệ và tăng thu nhập cho người nông dân như: đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ, phù hợp với địa phương, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân" tại Cục Sở hữu trí tuệ, thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu và in ấn bao bì, tem nhãn cho sản phẩm gạo, nhằm mục đích giữ vững và phát huy uy tín của nghệ Chí Tân trên thị trường, tăng thu nhập cho người dân.



Củ nghệ Chí Tân

II. MÔ TẢ HÌNH THÁI

Hình thái cây nghệ, củ nghệ tươi, củ nghệ khô, tinh bột nghệ được mô tả dựa trên các kết quả phân tích định tính trực tiếp, các tài liệu sơ cấp và thứ cấp thu thập được.

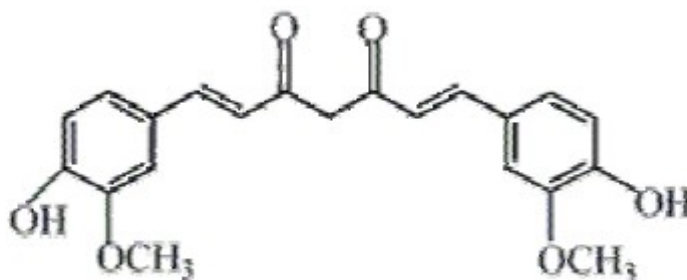
Nghệ còn có tên là uất kim, khương hoàng, safran des Indes. Tên khoa học *Curcuma longa* L. (*Curcuma domestica* Lour). Thuộc họ gừng *Zingiberaceae*.

Cách đây 5000 năm củ nghệ được biết đến như một loại gia vị, thuốc gia truyền chữa được rất nhiều bệnh, chữa liền sẹo, có tác dụng kìm hãm sự phát triển của tế bào ung thư.

Curcumin là thành phần đặc biệt và là hoạt chất chính tạo nên màu vàng đặc trưng cho củ nghệ. Trong đó lượng curcumin chỉ chiếm khoảng 0,3 đến 1% về khối lượng củ nghệ. Chỉ có curcumin tự nhiên trong củ nghệ mới có khả năng phòng và chống lại sự phát triển của tế bào ung thư và các bệnh khác với tỷ lệ cao hơn.

Nghệ là một loài cỏ cao 0.60m đến 1m. Thân rễ thành củ hình trụ hơi dẹt, khi bẻ hoặc cắt ngang có màu vàng cam sẫm. Lá hình trái xoan thon nhọn ở hai đầu, hai mặt đều nhẵn dài tới 45cm, rộng tới 18cm. Cuống lá có bẹ, cụm hoa mọc từ giữa các lá lên, thành hình nón thưa, lá bắc hữu thụ khum hình máng rộng, đầu tròn màu xanh lục nhạt, lá bắc bất thụ hẹp hơn, màu hơi tím nhạt. Tròng có phiến, cánh hoa ngoài màu xanh lục vàng nhạt, chia thành ba thùy, thùy trên to hơn, phiến cánh hoa trong cũng chia thành ba thùy, 2 thùy hai bên đứng và phẳng, thùy dưới hõm thành máng sâu. Quả nang 3 ngăn, mở bằng 3 van. Hạt có áo hạt. Được trồng khắp nơi trong nước ta để làm gia vị và làm thuốc ngoài ra còn mọc và được trồng ở các nước Ấn độ, Indônêxia, Campuchia, Lào, Trung Quốc, và các nước nhiệt đới. Nghệ thường được thu hoạch vào mùa thu.

Trong nghệ, người ta đã phân tích được chất màu curcumin có công thức hoá học như sau:



+ Các chất màu vàng gọi chung là curcumin. Vào đầu thế kỉ XIX người ta đã chiết được curcumin tinh thể không tan trong nước, tan trong cồn, ete, dầu béo. Nhưng năm 1953 Srinivasan K. R đã chứng minh bằng sắc kí cột silic rằng đó là hỗn hợp: + Curcumin chính thức (còn gọi là curcumin I) chiếm 60% đây là một đixeton đối xứng không no có thể coi như là diferuloylmetan (axit ferulic là axit hydroxy4 etoxy3xinamic). + Curcumin II hay demetoxycurcumin chiếm 24% và curcumin III hay bisdemetoxycurcumin chiếm 14% trong đó 1 hay 2

hydroxyxinamic thay cho axit ferulic. Nếu dùng sắc kí trên giấy sẽ thấy các chất curcumin khác nữa nhưng với lượng rất nhỏ.

+ Năm 1977, Nguyễn Khang (Đại học Dược Hà Nội) đã chiết từ bột củ nghệ sau khi đã cất lấy hết tinh dầu bằng bezen, sau đó thu hồi dung môi trong áp lực giảm và kết tinh bằng cồn etylic cho tới khi có độ chảy không thay đổi và một vết trên sắc kí lớp mỏng đã thu được 0,76 – 1,1% curcumin I tinh khiết, độ chảy 182 - 183°C.

Nếu chọn củ nghệ thu hoạch vào tháng 1, tháng 2 có thể đạt tới 1,5% curcumin. Tinh dầu 1 – 5% có màu vàng nhạt, thơm. Trong tinh dầu gồm có 25% cacbua tecpenic, chủ yếu là zingiberen và 65% xeton sespuitecpenic, các chất tumeron, curcumen $C_{15}H_{24}$ một cacbon không no và Tumeron. Ngoài ra còn tinh bột, canxi oxalat, chất béo. Củ nghệ chứa 8 – 10% nước, 6 – 8% chất vô cơ, 40 – 50% tinh bột nhựa.

Củ nghệ được biết đến với nhiều công dụng khác nhau, đặc biệt được Ấn Độ và Nhiều nước, cả phương Đông lẫn phương Tây, sử dụng như một loại dược liệu trị bách bệnh. Theo hội đồng nghiên cứu Trung ương, củ nghệ có thể chữa được nhiều bệnh. Củ nghệ có thể chữa bệnh hen suyễn, ho, trị cảm, nghiện rượu, mụn và các bệnh ngoài da, củ nghệ có thể giảm viêm nhiễm, trị to gan và nhiễm trùng bàng quang, rối loạn kinh nguyệt, tăng cường sức khỏe cho tim. Củ nghệ ngâm với nước và mật ong giúp lợi tiểu, hoặc nghiền nghệ với bơ đã qua lọc sạch có thể chữa hiệu quả bệnh tiểu đường. Ngoài ra củ nghệ còn giúp trị đau răng và ngừa sâu răng, giảm đau bao tử, giúp tiêu hóa và tạo cảm giác thèm ăn. Nhỏ nước nghệ đã đun sôi vào mũi giúp chữa đau đầu và chứng mất ngủ. Củ nghệ không chỉ có công dụng giúp liền sẹo như nhiều người đã biết, mà còn mang lại rất nhiều tác dụng hữu ích, đặc biệt đối với sức khỏe con người. Giúp giảm cân, lưu thông và lọc máu; giúp cơ thể chống lại các vi khuẩn sống ký sinh trong ruột, đặc biệt tốt cho hệ tiêu hóa Mới đây người ta đã chứng minh được rằng có thể sử dụng nghệ để chống ung thư và nghệ có khả năng kháng viêm, giảm nguy cơ nhiễm trùng; có thể dùng nghệ để khử trùng và làm mau lành vết thương.

Khi gặp rắc rối về tiêu hóa, nghiên cứu cho thấy, nghệ có thể kích thích tiêu hóa và giải phóng các enzym tiêu hóa, phá vỡ liên kết cacbonhydrat và các chất béo. Chính vì thế, trong trường hợp bị đau bụng, một cốc trà nghệ sẽ giúp ích rất nhiều. Chất curcumin có tự nhiên trong củ nghệ từng được các nhà khoa học chứng minh là một chất chống oxy hóa cực mạnh có lợi cho sức khỏe, có lợi cho tim mạch, chống cholesterol và ung thư. Nghệ có thể làm giảm hàm lượng cholesterol độc hại trong máu và có khả năng chống lại chứng xơ vữa động mạch, curcumin có trong nghệ cho phép giảm nguy cơ mắc bệnh nhồi máu cơ tim, đặc biệt là ở những người hay ngáy ngủ.

Khác với hầu hết các hợp chất tự nhiên khác với hiệu quả hạn chế, chất curcumin có tác dụng trực tiếp lên nhân tế bào bằng cách ngừa ngừa việc sản sinh quá nhiều protein bất thường. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng khuyên nên sử dụng nghệ ở mức độ vừa phải vì: Có ăn quá nhiều cũng không giúp tăng hiệu quả của trị bệnh của nghệ. Curcumin có tác dụng kháng ung thư, cô lập và tiêu hủy tế bào ung thư. Curcumin là một thành phần đặc biệt làm nên màu vàng đặc trưng của nghệ có khả năng tiêu diệt hai loại protein trong các tế bào ung thư,

các protein này chính là nguồn duy trì sự tồn tại của chúng. Nghệ cũng giúp ngăn chặn không cho tế bào ung thư lan tràn đi khắp nơi trong cơ thể (chống di căn). Ngoài ra nghệ cũng rất an toàn và không có phản ứng phụ. Các bác sĩ ở bệnh viện University of Texas MD Anderson Cancer Center, một bệnh viện chuyên về chữa trị các bệnh ung thư vào bậc lớn nhất thế giới, sau khi đã bỏ ra nhiều năm nghiên cứu và thử nghiệm, đều đồng thanh xác nhận rằng: thuốc bào chế bằng củ nghệ có tác dụng trực tiếp giết chết các tế bào ung thư, đồng thời củ nghệ cũng là một loại chống oxy hóa cực mạnh rất công hiệu để chống lại sự phá hoại của gốc tự do và giúp tăng cường hệ thống miễn nhiễm cho nên họ đã khuyên bệnh nhân ung thư nên dùng nghệ hằng ngày



Cây nghệ tươi



Củ nghệ khô và bột nghệ



Củ nghệ tươi và tinh bột nghệ

III. NỘI DUNG PHÂN TÍCH

1. Số lượng mẫu phân tích

Tổng số lượng mẫu phân tích cho từng đối tượng phân tích được thể hiện theo bảng sau:

Số mẫu	Loại mẫu	Đơn vị gửi mẫu	Đơn vị phân tích
5	Nghệ củ tươi	Công ty TNHH Phát triển tài sản trí tuệ Việt	Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm
5	Nghệ củ khô		
5	Bột nghệ khô		
5	Tinh bột nghệ		

2. Các căn cứ đánh giá

Quy định kỹ thuật về nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ

Các mẫu nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ được kiểm nghiệm và đánh giá theo tiêu chuẩn riêng được quy định như sau:

❖ *Yêu cầu về cảm quan*

- *Đối với nghệ củ tươi:*

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu vàng cam đậm đến vàng đỏ
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ
3	Vị	Đắng
4	Trạng thái	Củ nguyên vẹn, không sứt sẹo, không gãy
5	Kích thước:	
	- Chiều dài	5 – 8 cm
	- Chiều rộng	4 – 5 cm
	- Đường kính	1 – 3 cm
6	Khối lượng	100 – 215 gram/củ

- Đối với nghệ củ khô:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu vàng
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ
3	Vị	Đắng
4	Trạng thái	Nguyên củ, cắt lát
5	Kích thước	
	- Củ nguyên vẹn	Kích thước: 5 – 7 cm
	- Lát cắt dọc	Kích thước: 5 – 7cm, độ dày: 3 – 5 mm
6	Khối lượng	50 – 100 gram/củ

- Đối với bột nghệ khô:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Vàng tươi hoặc vàng cam
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ
3	Vị	Đắng gắt
4	Trạng thái	Dạng bột khô, không bị vón cục, không bị mốc, không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường.
5	Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ 60 lỗ/cm ²	>95%

- Đối với tinh bột nghệ khô:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Vàng nhạt hoặc vàng cam
2	Mùi	Không hắc, có mùi thơm của nghệ
3	Vị	Đắng nhẹ
4	Trạng thái	Dạng bột khô, mịn, không vón cục, không bị mốc, không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường
5	Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ lỗ 150µm	>95%

❖ Yêu cầu về chỉ tiêu lý hóa

Các chỉ tiêu hóa học của nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ

- Nghệ củ tươi

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	-
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	-
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	-
4	Giới hạn kim loại nặng	Tự công bố
5	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

- Nghệ củ khô

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	-
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	-

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	-
4	E.coli	Không có
5	Giới hạn kim loại nặng	Tự công bố
6	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

- *Bột nghệ:*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	-
2	Tạp chất, % khối lượng	-
3	Xơ thô, % khối lượng	-
4	Hàm lượng tro, % khối lượng	-
5	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	-
6	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	-
7	E.coli	Không có
8	Giới hạn kim loại nặng	Tự công bố
9	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

- *Tinh bột nghệ*

STT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	-
2	Hàm lượng tinh bột, % khối lượng	-
3	Hàm lượng tro tổng số, % khối lượng	-
4	Hàm lượng chất xơ, % khối lượng	-
5	Trị số pH của huyền phù tinh bột	-
6	Độ tinh khiết, % khối lượng	-
7	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	-
8	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	-
9	E.coli	Không có
10	Giới hạn kim loại nặng	Tự công bố
11	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NGHỆ CHÍ TÂN

2.1. Kết quả phân tích chỉ tiêu lý hóa nghệ Chí Tân

2.1.1. Nghệ củ tươi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	%	77	80	78,5
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	%	0,3	0,49	0,395
3	Hàm lượng tinh dầu,	%	1,10	1,21	1,155

	% khối lượng				
4	Giới hạn kim loại nặng	µg/1000g	KHP	KPH	KPH

Ghi chú: KPH – Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

2.1.2. Nghệ củ khô

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	%	9	11,5	10,25
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	%	1,8	2,9	2,35
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	%	2,2	4,5	3,35
4	Giới hạn kim loại nặng	µg/1000g	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: KPH – Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

2.1.3. Bột nghệ khô

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	%	9,5	11,8	10,65
2	Tạp chất, % khối lượng	%	3,4	4,8	4,1
3	Xơ thô, % khối lượng	%	1,05	1,60	1,325
4	Hàm lượng tro, % khối lượng	%	4	5,7	4,85
5	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	%	1,8	2,5	2,15
6	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	%	1,05	4,7	2.875
7	E.coli	µg/1000g	KPH	KHP	-

Ghi chú: KPH – Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

2.1.4. Tinh bột nghệ khô

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	%	8	10,5	9,25
2	Hàm lượng tinh bột, % khối lượng	%	40,9	48,5	44,7
3	Hàm lượng tro tổng số, % khối lượng	%	0,09	0,12	0,105
4	Hàm lượng chất xơ, % khối lượng	%	0,1	0,15	0,125
5	Trị số pH của huyền phù tinh bột	pH	5,2	6,5	5,85
6	Độ tinh khiết, % khối lượng	%	96	98	97
7	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	%	1,8	3,45	2,625
8	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	%	0,2	0,4	0,3
	E.coli	µg/1000g	KPH	KPH	-

Ghi chú: KPH – Không phát hiện (Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử)

Tiến hành kiểm nghiệm 5 mẫu nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ lấy tại các vùng nghiên cứu, cho kết quả như sau:

- Nghệ củ tươi: Hàm lượng nước g/100g trung bình là 78,5g/100g, Curcumin: 0,395 (g/100g), Tinh dầu: 1,155 (g/100g), hàm lượng kim loại nặng không có.

- Nghệ củ khô: Hàm lượng nước g/100g trung bình là 10,25g/100g, Curcumin: 2,35 (g/100g), tinh dầu: 3,35 (g/100g), hàm lượng kim loại nặng không có trong nghệ.

- Bột nghệ khô: Hàm lượng nước g/100g trung bình là 10,65g/100g, Tạp chất: 4,1 (g/100g), xơ thô (g/100g): 1,325; hàm lượng tro: 4,85 (g/100), Curcumin: 0,215 (g/100g), tinh dầu: 2,875 (g/100g), không phát hiện vi khuẩn E.coli trong mẫu.

- Tinh bột nghệ khô: Hàm lượng nước g/100g trung bình là 9,25g/100g, tinh bột: 44,7 (g/100g), hàm lượng tro tổng số: 0,105 (g/100), chất xơ: 0,125 (g/100g), Trị số pH của huyền phù tinh bột 5,85 pH, độ tinh khiết 97%, Curcumin: 2,625 (g/100g), tinh dầu: 0,3 (g/100g), không phát hiện vi khuẩn E.coli trong mẫu.

III. BỘ TIÊU CHÍ CHỨNG NHẬN

1. Sản phẩm củ nghệ tươi

1.1.1. Tiêu chí cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu vàng cam đậm đến vàng đỏ
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ
3	Vị	Đắng
4	Trạng thái	Củ nguyên vẹn, không nứt sọc, không gãy
5	Kích thước:	
	- Chiều dài	5 – 8 cm
	- Chiều rộng	4 – 5 cm
	- Đường kính	1 – 3 cm
6	Khối lượng	100 – 215 gram/củ

1.1.2. Chỉ tiêu chất lượng lý hoá

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	75 - 80%
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	0,3 – 0,5%
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	1 - 5%
4	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm rau, củ
5	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

2. Sản phẩm củ nghệ khô

2.1.1. Tiêu chí cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu vàng
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ
3	Vị	Đắng
4	Trạng thái	Nguyên củ, cắt lát
5	Kích thước	
	- Củ nguyên vẹn	Kích thước: 5 – 7 cm
	- Lát cắt dọc	Kích thước: 5 – 7cm, độ dày: 3 – 5 mm
6	Khối lượng	50 – 100 gram/củ

2.1.2. Chỉ tiêu chất lượng lý hoá

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	<12%
2	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	1.8 - 3%
3	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	1 - 5%
4	E.coli	Không có
5	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm rau, củ
6	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

3. Sản phẩm bột nghệ khô

3.1.1. Tiêu chí cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Vàng tươi hoặc vàng cam
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nghệ
3	Vị	Đắng gắt
4	Trạng thái	Dạng bột khô, không bị vón cục, không bị mốc, không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường.
5	Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ 60 lỗ/cm ²	>95%

3.1.2. Chỉ tiêu chất lượng lý hoá

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	<12%
2	Tạp chất, % khối lượng	<5%
3	Xơ thô, % khối lượng	<2%
4	Hàm lượng tro, % khối lượng	6.5%
5	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	1.8 - 3%
6	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	1 - 5%
7	E.coli	Không có
8	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm bột và tinh bột
9	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

4. Sản phẩm tinh bột nghệ khô

4.1.1. Tiêu chí cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Vàng nhạt hoặc vàng cam
2	Mùi	Không hắc, có mùi thơm của nghệ
3	Vị	Đắng nhẹ
4	Trạng thái	Dạng bột khô, mịn, không vón cục, không bị mốc, không có tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường
5	Cỡ hạt, % lọt qua rây cỡ lỗ 150µm	>95%

4.1.2. Chỉ tiêu chất lượng lý hoá

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hàm lượng nước (độ ẩm), % khối lượng	<12%
2	Hàm lượng tinh bột, % khối lượng	40 – 50%
3	Hàm lượng tro tổng số, % khối lượng	<0.2%
4	Hàm lượng chất xơ, % khối lượng	<0.2%
5	Trị số pH của huyền phù tinh bột	5-7

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
6	Độ tinh khiết, % khối lượng	>95%
7	Hàm lượng Curcumin, % khối lượng	1,8 – 3,5%
8	Hàm lượng tinh dầu, % khối lượng	<1%
9	E.coli	Không có
10	Giới hạn kim loại nặng	Tuân thủ các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm bột và tinh bột
11	Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm	

KẾT LUẬN

Kết quả phân tích các mẫu nghệ Chí Tân đều đạt các yêu cầu kỹ thuật quy định đối với các sản phẩm liên quan đến nghệ.

Bộ tiêu chí chứng nhận sản phẩm được xây dựng trên căn cứ kết quả phân tích hình thái, kết quả phân tích chất lượng và thực tế sản xuất nghệ tại địa phương.

NGƯỜI THỰC HIỆN

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
TÀI SẢN TRÍ TUỆ VIỆT
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Mạnh Tuấn

Lê Kinh Hải

PHỤ LỤC 2:

ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ VỀ QUY MÔ HIỆN TRẠNG, QUY TRÌNH KỸ THUẬT TRỒNG, CHĂM SÓC, THU HOẠCH, SƠ CHẾ VÀ TIÊU THỤ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN ĐẾN NGHỆ; NHU CẦU THAM GIA MÔ HÌNH TỔ CHỨC, QUẢN LÝ NHCN

I. Bối cảnh nghiên cứu

Việt Nam là một quốc gia nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, có nguồn tài nguyên động thực vật đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loại cây cỏ được sử dụng làm thức ăn và làm thuốc từ xưa cho đến nay. “Nghệ” – loại cây không còn quá xa lạ đối với người dân Việt Nam mà ngay cả đa số quốc gia trên thế giới đều thấy khá quen thuộc với loại thảo dược. Củ nghệ từ lâu đã được sử dụng rộng rãi làm gia vị, chất bảo quản và chất tạo màu cho thực phẩm. Ngoài ra, củ nghệ cũng là một trong những loại thuốc dân gian hiệu quả trong chữa trị các loại bệnh như vàng da, các bệnh về gan mật, u nhọt, dạ dày... Trong những thập kỷ gần đây, rất nhiều các nghiên cứu đã được công bố về hoạt tính sinh học và dược học của củ nghệ cũng như các thành phần triết xuất từ củ nghệ trong đó có curcumin và tinh dầu nghệ được chứng minh là những thành phần chính tạo nên dược tính của củ nghệ.

Khoái Châu là huyện đồng bằng Bắc Bộ, nằm trên bờ tả ngạn của sông Hồng, phía Nam và Đông Nam giáp các xã Thọ Vinh, Đồng Thanh, Vĩnh Xá, Toàn Thắng của huyện Kim Động, góc phía Đông giáp xã Xuân Trúc của huyện Ân Thi, phía Đông Bắc và Bắc giáp các xã Minh Châu, Yên Hoà, Hoàn Long, Yên Phú, Lý Thường Kiệt của huyện Yên Mỹ, phía Tây Bắc giáp Mỹ Sở, Tân Tiến, Liên Nghĩa của huyện Văn Giang. Phía Tây giáp các xã nằm trong các huyện của Hà Nội: xã Tự Nhiên, Thống Nhất, Vạn Điểm, Lê Lợi của huyện Thường Tín (ở chính phía tây) và Văn Nhân, Thụy Phú, Hồng Thái của huyện Phú Xuyên (ở phía Tây Nam), ranh giới là sông Hồng.

Trên địa bàn huyện còn có sông Bàn chảy xuôi từ Bàn Yên Nhân, qua Yên Mỹ, Khoái Châu, sang Kim Động. Đầm Dạ Trạch, nằm tại các xã Bình Minh, Dạ Trạch, Hàm Tử, Tứ Dân, Đông Kết, đây vốn là một khúc của sông Hồng trước kia, nay do đổi dòng sang hướng tây mà tạo thành. Huyện Khoái Châu có diện tích là 130,9 km².

Nghề trồng, sản xuất và kinh doanh nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã và đang có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của ngành nông nghiệp huyện nói riêng và kinh tế của tỉnh Hưng Yên nói chung. Mặc dù không phải là nghề truyền thống lâu đời nhưng nghề trồng nghệ giữ một vị trí vô cùng quan trọng. Nghệ có yêu cầu về dinh dưỡng rất phù hợp với đất bãi bồi ven đê, quá trình sinh trưởng và chăm sóc không quá cầu kỳ, trong khi đó lợi nhuận mà nó đem lại lớn hơn rất nhiều so với các loại cây trồng nông nghiệp truyền thống như ngô, lúa, khoai,...

Thương hiệu “Nghệ Chí Tân” đã trở nên nổi tiếng với sản phẩm nghệ được tiêu thụ ở cả thị trường trong nước, đặc biệt là các siêu thị lớn và nước ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... Tuy nhiên, việc sản xuất và kinh doanh nghệ hiện nay chưa được diễn ra một cách bài bản và khoa học, sản phẩm

đưa ra thị trường chưa được quan tâm và kiểm soát chặt chẽ, bên cạnh đó, nhiều sản phẩm nghệ của các địa phương khác đều mượn danh “Nghệ Chí Tân” để bán hàng do đó đã ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích của người dân sản xuất và kinh doanh sản phẩm nghệ tại huyện Khoái Châu. Các sản phẩm hiện được bán trên thị trường chủ yếu với nhãn mác của các cơ sở sản xuất, thậm chí sản phẩm bán ra trên thị trường không mang nhãn hiệu của người sản xuất, khi đến tay người tiêu dùng không đảm bảo được việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, thậm chí mang nhãn hiệu của các cơ sở khác nhau trên cả nước; ngoài ra, việc phát triển thị trường cho sản phẩm của huyện hiện đang gặp nhiều khó khăn, do chưa có thương hiệu chính thức cho sản phẩm, giá trị mang lại chưa tương xứng.

Nhằm hỗ trợ cho việc phát triển nghề trồng, sản xuất và kinh doanh nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên đã phê duyệt dự án “Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Nghệ Chí Tân” dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.”

II. Mục đích và phương pháp nghiên cứu

1. Mục đích

Thực hiện khảo sát về quy mô hiện trạng, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và thị trường tiêu thụ các sản phẩm liên quan đến nghệ; nhu cầu tham gia mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận nhằm cung cấp thông tin cho việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân" dùng cho các sản phẩm liên quan đến nghệ của huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

2. Phương pháp nghiên cứu

a) Phương pháp nghiên cứu tại bàn

Mục đích của nghiên cứu tại bàn là nhằm:

- Nghiên cứu các tài liệu có liên quan quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ các sản phẩm liên quan đến nghệ, cụ thể:
 - + Đánh giá danh tiếng, thực trạng sản xuất và kinh doanh sản phẩm nghệ tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- + Đánh giá về quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản sản phẩm nghệ.

- + Một số ý kiến về xây dựng và phát triển NHCN “Nghệ Chí Tân”

- + Các nội dung khác có liên quan.

- Thiết kế nội dung khảo sát về quy mô hiện trạng, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và thị trường tiêu thụ và đánh giá nhu cầu cần thiết bảo hộ các sản phẩm liên quan đến nghệ.

- Thiết kế nội dung phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

- Thiết kế kế hoạch, khung thời gian thực hiện khảo sát.

- Thiết kế đề cương Báo cáo khảo sát.

b) Khảo sát thực địa

Phỏng vấn sâu: Nhằm lấy ý kiến phục vụ cho báo cáo khảo sát quy mô, hiện trạng, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và thị

trường tiêu thụ các sản phẩm liên quan đến nghệ; nhu cầu tham gia mô hình tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

Phỏng vấn bằng phiếu hỏi: Đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đối với những người trồng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nghệ trên địa bàn huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên với tổng số 200 phiếu hỏi.

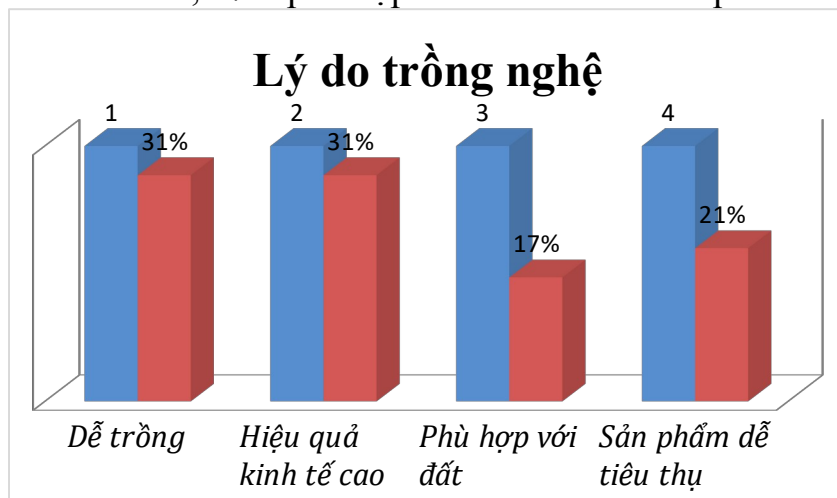
III. Kết quả khảo sát

Trong khuôn khổ nội dung thực hiện dự án, đơn vị chủ trì thực hiện dự án đã thực hiện khảo sát đối với người dân, người sản xuất và kinh doanh sản phẩm nghệ trên địa bàn huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Số phiếu được phát ra là 200 phiếu và số phiếu thu lại là 200 phiếu, phiếu khảo sát được xử lý qua hệ thống phần mềm excel và cho ra những kết quả như sau:

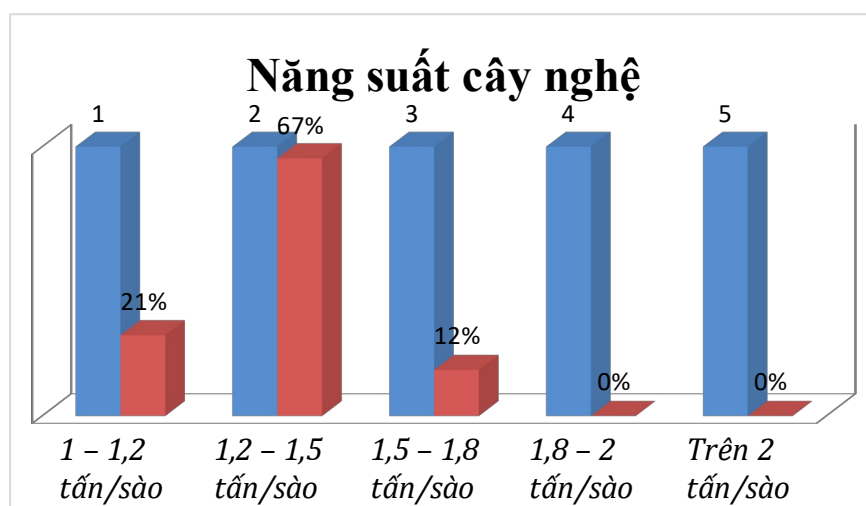
1. Thực trạng sản xuất

Theo các nguồn tài liệu tìm hiểu cũng như điều tra bằng phỏng vấn sâu và phỏng vấn bằng phiếu bảng hỏi đã thể hiện các đặc điểm của vườn trồng nghệ tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Đặc điểm đầu tiên được đề cập đến là lý do các hộ trồng nghệ. Theo kết quả điều tra cho biết thì có 31% người tham gia phỏng vấn lựa chọn là dễ trồng, 31% là hiệu quả kinh tế cao, 17% phù hợp với đất và 21% sản phẩm dễ tiêu thụ.



Đối với các giống nghệ hiện đang được trồng, có 83% người được hỏi cho biết họ trồng nghệ đỏ, 6% nghệ vàng, 1% nghệ đen và 9% trồng cả 3 giống nghệ trên. Tổng diện tích trồng nghệ của những người được phỏng vấn là 1.553 sào (khoảng 56 ha) trung bình mỗi hộ được hỏi có 8 sào nghệ, hộ trồng nhiều có đến hơn 1 mẫu nghệ hộ trồng ít cũng có từ 3 – 4 sào trồng nghệ. Theo như điều tra cho thấy các hộ ở đây có nghề trồng nghệ từ lâu đời, có đến 98% những người được hỏi cho biết họ đã trồng nghệ được trên 20 năm, chỉ 2% mới bắt đầu trồng nghệ khoảng 10 đến 20 năm trở lại đây. Với kinh nghiệm trồng nghệ lâu năm nên có đến 96% cho biết họ có thể phân biệt được nghệ trồng ở Khoái Châu với các loại nghệ trồng ở vùng khác, 4% cho biết họ chưa phân biệt được.



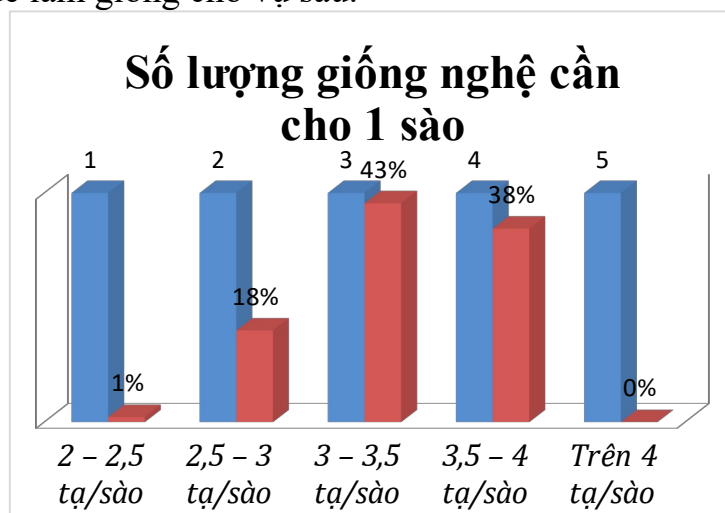
Qua biểu đồ cho thấy, khi đề cập đến năng suất của cây nghệ thì có 67% người tham gia trả lời cho biết năng suất từ 1,2 – 1,5 tấn/sào, 21% phương án khác lại lựa chọn phương án năng suất từ 1 – 1,2 tấn/sào. Phương án có năng suất từ 1,5 – 1,8 tấn/sào nhận được 12% số người lựa chọn và không có lựa chọn phương án có năng suất từ 1,8 – 2 tấn/sào và trên 2 tấn/sào. Kết quả cho thấy, một sào trồng nghệ tại huyện Khoái Châu thường có năng suất khoảng từ 1,2 đến 1,5 tấn/sào, tuy năng suất còn chịu ảnh hưởng từ khí hậu của từng vụ mùa và từng năm, chính vì vậy năng suất chỉ mang tính chất tương đối, vì có những mùa năng suất cao hơn năng suất ở trên.

2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản

Nội dung khảo sát liên quan đến vấn đề kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản nghệ được tìm hiểu với từng chi tiết cụ thể, rõ ràng và sát thực theo từng khâu trong quá trình tiến hành tạo ra thành phẩm cuối cùng.

Đối với nghệ đã được trồng ở rất nhiều địa phương khác nhau nhưng Khoái Châu là vùng đất trồng loại cây này mang lại hiệu quả cao nhất. Điều này cho thấy, cây nghệ được người dân đầu tư rất kỹ qua từng khâu và sự phù hợp của giống cây này với điều kiện của địa phương.

Để tiến hành trồng nghệ thì người dân cần phải chuẩn bị giống, theo người dân cho biết thì 100% họ tự để giống, lựa chọn những củ nghệ đều nhau, sạch sâu bệnh để làm giống cho vụ sau.

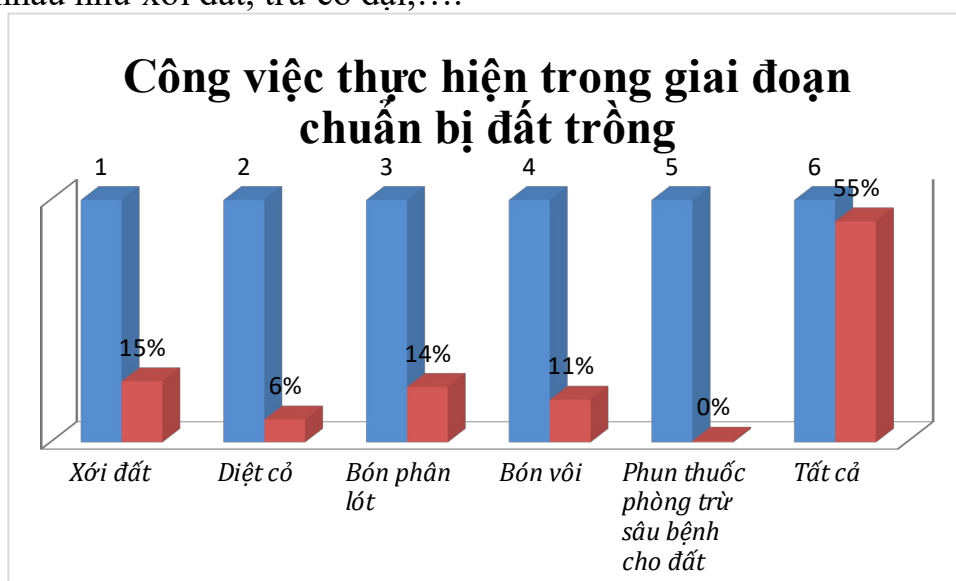


Lượng giống nghệ cần cho 1 sào được 43% số người được hỏi lựa chọn phương án từ 3 đến 3,5 tạ/sào, 38% lại lựa chọn phương án từ 3,5 đến 4 tạ/sào. 2,5 đến 3 tạ/sào được 18% số người được hỏi lựa chọn, 1% chọn từ 2 đến 2,5 tạ/sào và không có lựa chọn nào cho phương án trên 4 tạ/sào.

Với loại đất phù hợp để trồng cây nghệ, có 88% người dân cho biết cây nghệ phù hợp với đất pha cát, 12% phương án chọn đáp án phù hợp với đất phù sa nhẹ và không có sự lựa chọn nào cho đáp án phù hợp đất thịt và đất đồi.

Về thời gian thực hiện khâu trồng nghệ, theo người dân tại địa phương cho biết nghệ thường được trồng vào các tháng là tháng 3 - 4, là chủ yếu với số người lựa chọn là 71%. Ngoài ra, nghệ còn được trồng vào tháng 2 - 3 nhưng với tỷ lệ thấp.

Đối với việc làm đất để chuẩn bị trồng cây được tiến hành qua nhiều bước khác nhau như xới đất, trừ cỏ dại,....



Có 55% số người được hỏi cho rằng họ cho rằng các công việc thực hiện để chuẩn bị đất trồng nghệ trải qua tất cả 5 bước là xới đất, làm cỏ, bón phân lót, bón vôi và phun thuốc phòng trừ sâu bệnh cho đất. Cây nghệ ở đây được 100% số người được hỏi cho biết họ trồng xen canh cây nghệ với các loại cây như lạc, ngô... mục đích là tận dụng thời gian củ nghệ khi xuống giống nghỉ sinh trưởng cũng như giữ ẩm cho đất.

Khi hỏi về luống trồng nghệ rộng bao nhiêu thì hợp lý, có 46% người trả lời cho biết luống rộng 1m, 40% cho biết luống rộng 1,2m, 14% chọn khoảng cách luống rộng 0,8m.

Về khoảng cách hàng cách hàng, có 58% người được phỏng vấn cho biết tỷ lệ hàng cách hàng 0,5m x 0,5m là hợp lý nhất, 33% lại cho rằng khoảng cách hợp lý là 0,4m x 0,4m và 9% lựa chọn khoảng cách là 0,7m x 0,7m.

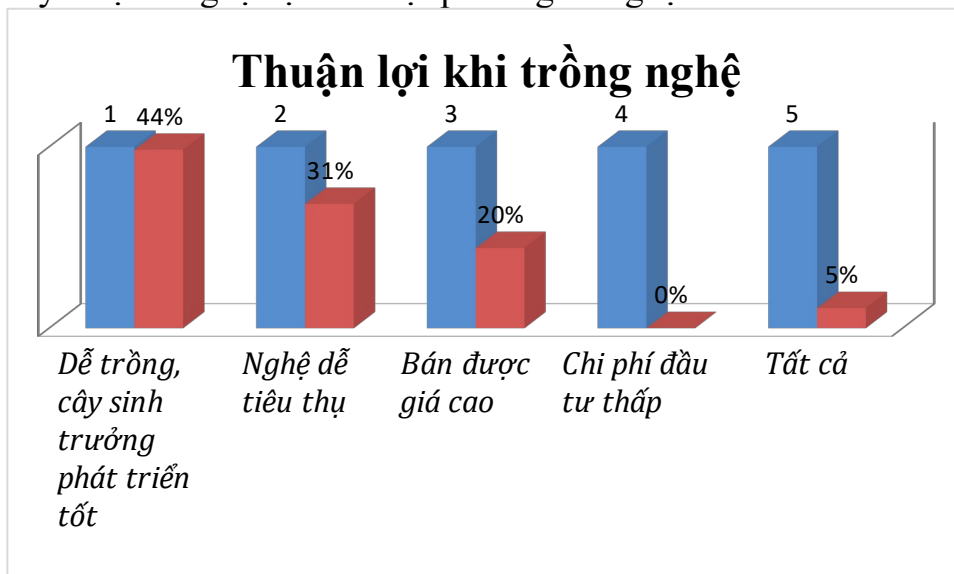
Đối với phân dùng cho việc bón lót, bón thúc cho sự sinh trưởng và phát triển cho cây, 97% người dân cho biết họ dùng tro bếp, đạm, lân, kali. 3% lựa chọn các loại phân để bón lót, bón thúc là lân, đạm, kali. Lượng phân trung bình người dân bón cho 1 sào trồng nghệ là 323 kg tro bếp, 18kg đạm, 36kg lân, 4kg kali và 34kg vôi bột.

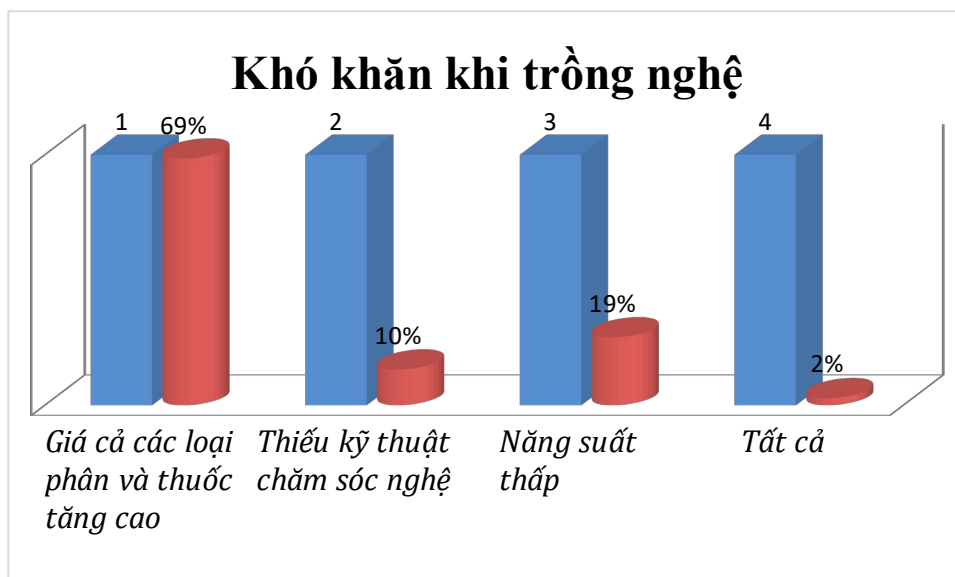
Trong quá trình sinh trưởng phát triển cây nghệ do có tinh dầu nên ít bị sâu bệnh được 96% số người được hỏi cho biết, chỉ 4% cho rằng cây nghệ thường bị sâu bệnh, một số loại sâu bệnh được người dân cho biết là bệnh thán thư, bệnh cháy lá, bệnh thối củ nghệ. Để thực hiện phòng trừ sâu bệnh, bà con áp dụng nhiều phương pháp khác nhau trong đó có 74% người trả lời sử dụng phương pháp phun máy, 26% sử dụng phương pháp phun bình tay. Đánh giá độ miễn cảm của cây nghệ với sâu bệnh được 97% người được hỏi cho biết tốt, 3% là bình thường. Theo điều tra thì có đến 92% số người được hỏi cho biết họ được hướng dẫn về cách phòng trừ sâu bệnh cho cây nghệ, chỉ có 8% là chưa được hướng dẫn. Người dân được hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh chủ yếu qua cán bộ khuyến nông, qua các lớp tập huấn và hàng xóm với tỷ lệ là lượt là 40%, 41% và 18%.

Nghệ được trồng ở Khoái Châu có một đặc điểm là khi người dân trồng củ nghệ giống xuống đất được khoảng 3 tháng, sau khi củ nghệ sinh trưởng và phát triển ổn định thì 100% người dân lại tiến hành khoét gốc thu hồi củ giống (củ vốn) làm thương phẩm. Biện pháp kỹ thuật này nhằm thúc đẩy cây nghệ phát triển nhanh hơn, cho năng suất cao hơn, củ giống sau thu hồi vẫn bảo đảm chất lượng, có giá trị tương đương, có thể còn cao hơn giá trị củ giống khi đưa vào trồng đầu vụ, như vậy coi như trồng nghệ không phải đầu tư giống, nông dân ở đây gọi là kỹ thuật “mượn giống”.

Thời gian thu hoạch củ nghệ thường rải rác từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, thu hoạch củ nghệ trong khoảng thời gian từ tháng 10 – 12 được 46% số người được hỏi lựa chọn, từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau được 34%, 20% lại lựa chọn thu hoạch củ nghệ trong khoảng thời gian từ tháng 12 đến tháng 3 năm sau. 100% người tham gia phỏng vấn cho biết phương pháp họ thu hoạch củ nghệ là kết hợp máy cày với dùng cuốc để thu hoạch.

Sau khi thu hoạch củ nghệ về đa phần các hộ đều bán nghệ tươi chứ không tiến hành sơ chế thành các sản phẩm khác. Theo kết quả khảo sát thì có đến 96,5% số người được hỏi cho biết họ chỉ bán nghệ tươi chỉ có 3,5% là bán cả nghệ tươi và sơ chế nghệ thành các sản phẩm khác. Nhưng khi sơ chế thì nguyên liệu chủ yếu lại là nghệ vụn của địa phương và nghệ mua ở các nơi khác về.





Qua hai biểu đồ trên ta thấy được những thuận lợi và khó khăn của người dân khi trồng nghệ. Về thuận lợi thì 44% đồng ý cho rằng cây nghệ dễ trồng, sinh trưởng phát triển tốt, 31% lựa chọn phương án là nghệ dễ tiêu thụ, 20% là bán được giá cao, chỉ 5% cho rằng có trồng nghệ có những thuận lợi là dễ trồng, cây sinh trưởng phát triển tốt, nghệ dễ tiêu thụ, bán được giá cao và chi phí đầu tư thấp. Còn khó khăn thì khó khăn lớn nhất là giá cả các loại phân và thuốc tăng cao với 69% người lựa chọn, bên cạnh đó thì vấn đề thiếu kỹ thuật chăm sóc nghệ được 10%, 19% là số người lựa chọn khó khăn họ gặp phải là năng suất thấp, chỉ có 2% cho biết họ gặp tất cả các khó khăn trên.

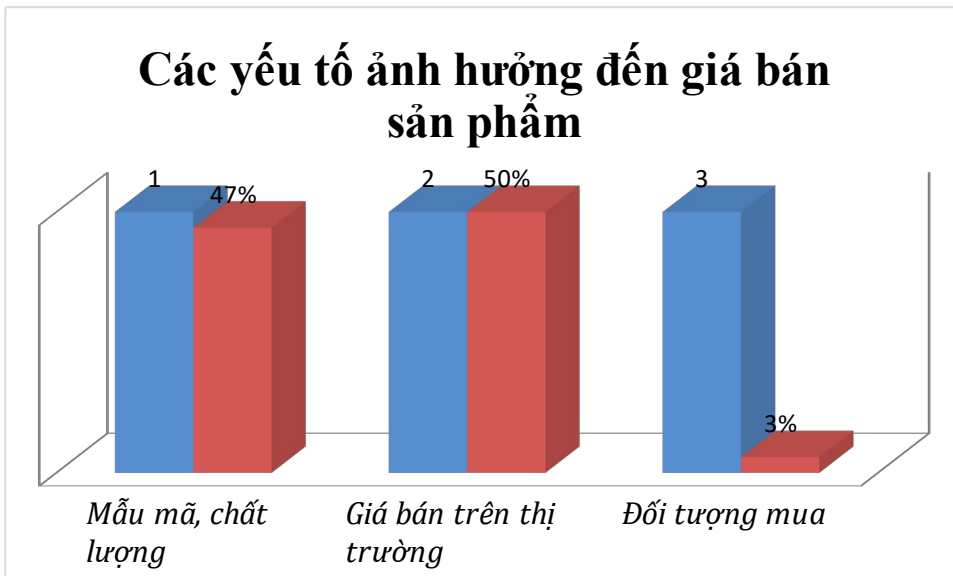
2. Thị trường tiêu thụ

Qua điều tra khảo sát thì thấy 100% số người được hỏi cho biết hiện nay tại địa phương đã có những tổ chức/cá nhân thu mua nghệ, chủ yếu là các nhà mua gom cho các công ty.

Khi hỏi về mức độ thường xuyên theo dõi các thông tin liên quan đến sản xuất và tiêu thụ nghệ thì 92% cho biết họ có theo dõi, 8% họ không thường xuyên theo dõi các thông tin. Nguồn thông tin mà các hộ tham khảo giá sản phẩm là người thân, người quen trong xóm; nhân viên khuyến nông, lãnh đạo địa phương; chương trình TV, radio, sách báo; tại chợ và từ người thu gom hay mua buôn với tỷ lệ lần lượt là 22%, 11%, 9%, 13% và 46%.

Các dạng sản phẩm chủ yếu của nghệ là củ nghệ tươi, nghệ giống, nghệ khô thái lát, bột nghệ và tinh bột nghệ với tỷ lệ lần lượt là 87%, 6%, 1%, 3% và 3%. Trong quá trình tiêu thụ nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ đã gặp phải những khó khăn nhất định, trong đó khó khăn lớn nhất được 65% số người được hỏi lựa chọn đó là chưa có nhãn mác bao bì, 32% lựa chọn chất lượng sản phẩm chưa đồng đều và 3% lại lựa chọn thiếu nguyên liệu sơ chế.

Khi đi mua, lựa chọn sản phẩm người tiêu dùng luôn đưa ra các tiêu chí để lựa chọn. Đối với sản phẩm nghệ và các sản phẩm liên quan đến nghệ thì tiêu chí chất lượng sản phẩm được 79,5% người được hỏi chọn, 7,8% lựa chọn tiêu chí nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, 12,1% lựa chọn tiêu chí giá bán và 0,5% lựa chọn tiêu chí tem nhãn sản phẩm.



So sánh kết quả của các yếu tố ảnh hưởng đến giá bán sản phẩm nghệ được thể hiện qua biểu đồ trên cho thấy, yếu tố được nhiều người lựa chọn nhất là giá bán trên thị trường chiếm 50% số người trả lời câu hỏi, 47% lựa chọn tiêu chí mẫu mã chất lượng, chỉ có 3% lựa chọn yếu tố là đối tượng mua. Vấn đề biết được người mua thì có 62,5% cho biết tự người mua tìm đến, 33,5% thì cho biết do có sự giới thiệu của bạn bè, người quen chỉ có 4% số người được hỏi cho biết họ phải tự tìm kiếm người mua.

Khi hỏi về phương tiện vận chuyển nghệ đến nơi bán thì có 76% số người được hỏi cho biết người thu mua tự đến vận chuyển, 24% thì lại vận chuyển bằng ô tô đến nơi bán. Hình thức thu mua hiện nay chủ yếu là theo hợp đồng từ đầu vụ với 91% số người được hỏi lựa chọn, 9% là theo hình thức thỏa thuận miệng. Có đến 88% số người được hỏi họ sẽ được trả tiền ngay lúc lấy nghệ, 8% là trả tiền sau và 4% là được trả trước 1 phần.

Hình thức bán buôn nghệ vẫn là chủ yếu chiếm 72% số người được hỏi lựa chọn, 28% lựa chọn cả bán buôn và bán lẻ. Thị trường chủ yếu là các tỉnh phía bắc với 91%, không cố định là 7% và 2% là trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Khi hỏi về quy mô sẽ như thế nào trong thời gian tới thì có 75% số người được hỏi cho biết họ sẽ giữ nguyên diện tích hiện đang trồng nghệ, 23% sẽ tăng lên chỉ có 2% là sẽ giảm diện tích xuống.

3. Hiểu biết về thương hiệu và nhãn hiệu chứng nhận

Tại địa phương hiện nay có đến 93% số người được hỏi cho biết nghệ Chí Tân được nhiều người biết đến chỉ có 7% cho rằng chưa được nhiều người biết đến.

Với nội dung biết đến sở hữu trí tuệ và nhãn hiệu chứng nhận, thì có 74% số người trả lời nói rằng họ chưa biết đến sở hữu trí tuệ và nhãn hiệu chứng nhận, chỉ 26% số người còn lại là biết đến. Và những người đã biết đến sở hữu trí tuệ và nhãn hiệu chứng nhận đều cho rằng ưu điểm của nhãn hiệu chứng nhận đó là sản phẩm được bảo hộ và giá trị của sản phẩm sẽ được nâng cao hơn.

Với việc sử dụng nhãn hiệu riêng cho sản phẩm nghệ thì có 98% số người được hỏi cho biết họ không sử dụng nhãn hiệu riêng chỉ có 2% là có sử dụng.

Về mô hình tổ chức và quản lý nhãn hiệu chứng nhận, thì có 78% số người được phỏng vấn cho biết họ chưa biết đến mô hình tổ chức và quản lý nhãn hiệu chứng nhận, chỉ có 22% số người là biết đến. Mặc dù không có nhiều người biết đến mô hình tổ chức và quản lý nhãn hiệu chứng nhận nhưng khi đề cập tới việc cần thiết của việc xây dựng nhãn hiệu chứng nhận để bảo vệ, duy trì và phát triển nghề trồng nghệ của người dân huyện Khoái Châu thì có tới 95% số người trả lời là cần thiết, 3% là rất cần thiết, chỉ có 1% cho là bình thường, 1% cho là không cần thiết khi thực hiện điều này.

Mô hình quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Nghệ Chí Tân" được thành lập nhằm hỗ trợ người dân một số vấn đề như hướng dẫn quản lý và sử dụng thương hiệu "Nghệ Chí Tân", bảo vệ thương hiệu nghệ Chí Tân trên thị trường, hỗ trợ xây dựng hệ thống thương mại cho sản phẩm, hỗ trợ về tem nhãn, bao bì sản phẩm... thì có 97% người trả lời sẵn sàng tham gia mô hình này và chỉ có 3% là không muốn tham gia vì họ không muốn chịu sự ràng buộc của bất kì tổ chức nào.

**PHỤ LỤC 3:
PHIẾU KHẢO SÁT**

Hiện trạng, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ các sản phẩm liên quan đến nghệ; nhu cầu tham gia mô hình tổ chức, quản lý NHCN

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin ông/bà cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nội dung thực hiện hiện dự án.

Thời gian:/...../201..... Họ và tên điều tra viên:.....	Mã BH:
Hướng dẫn: Quy trình: Mục tiêu:	Lựa chọn ngẫu nhiên người dân trả lời phiếu hỏi Phỏng vấn bằng phiếu hỏi Mục tiêu: - Tìm hiểu quá trình và kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm nghệ tại địa phương. - Đánh giá nhu cầu tham gia mô hình tổ chức, quản lý NHCN - Một số ý kiến nhằm phát triển sản phẩm nghệ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên người cung cấp thông tin:

2. Giới tính:

Nam

Nữ

3. Địa chỉ:.....

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

I. Đặc điểm cảm quan của cây nghệ

1. Ông/bà trồng cây nghệ vì lý do gì?

Dễ trồng

Hiệu quả kinh tế cao

Phù hợp với đất

Sản phẩm dễ tiêu thụ

Khác (ghi cụ thể)

2. Ông/bà cho biết giống nghệ ông/bà đang trồng?

Nghệ vàng

Nghệ đen

Nghệ đỏ

Cả 3

Khác (ghi cụ thể)

3. Diện tích ông/bà trồng nghệ là bao nhiêu?

Diện tích:.....sào

4. Xin ông/bà cho biết gia đình ông/bà trồng/sản xuất/kinh doanh nghệ được bao nhiêu năm?

Dưới 10 năm

Khoảng 10 đến 20 năm

Trên 20 năm

Khác (ghi cụ thể)

5. Ông bà có phân biệt được nghệ trồng ở Chí Tân với nghệ trồng ở các vùng khác không?

Có

Không

Nếu có cách phân biệt là:.....

6. Xin ông/bà cho biết năng suất trung bình của nghệ hiện nay là bao nhiêu?

1 – 1,2 tấn/sào

1,2 – 1,5 tấn/sào

1,5 – 1,8 tấn/sào

1,8 – 2 tấn/sào

Trên 2 tấn/sào

II. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản

7. Ông/bà chuẩn bị giống bằng phương pháp gì?

- Tự đề giống Mua giống

8. Ông/bà cho biết lượng giống cần cho 1 sào nghệ là bao nhiêu?

- 2 – 2,5 tạ/sào 2,5 – 3 tạ/sào
 3 – 3,5 tạ/sào 3,5 – 4 tạ/sào
 Trên 4 tạ/sào

9. Theo ông/bà cây nghệ thường được trồng vào thời gian nào trong năm?

- Tháng 2 - 3 Tháng 3 – 4
 Tháng 2 – 4 Tháng 5 – 6
 Khác (ghi cụ thể)

10. Loại đất phù hợp để trồng nghệ theo ông/bà là loại đất nào?

- Đất thịt Đất phù xa nhẹ
 Đất pha cát Đất đồi
 Khác (ghi cụ thể)

11. Giai đoạn chuẩn bị đất trồng nghệ theo ông/bà cần thực hiện những công việc gì?

- Xới đất Diệt cỏ
 Bón phân lót Bón vôi
 Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh cho đất
 Tất cả

12. Ông/bà trồng xen canh hay là trồng thuần cây nghệ

- Xen canh Thuần nghệ

- Nếu trồng xen canh thì đó là cây trồng nào?

13. Khoảng cách luống rộng bao nhiêu là hợp lý?

- 0,8m 1 m
 1,2 m 1,5 m

14. Khoảng cách trồng hàng cách hàng theo ông/bà bao nhiêu là hợp lý?

- 0,4 m x 0,4 m 0,5m x 0,5m
 0,7m x 0,7m 1m x 1m
 Khác (ghi cụ thể)

15. Ông/bà cho biết các loại phân thường dùng cho cây nghệ là gì?

- Đạm, lân, kali Tro bếp, lân, kali
 Tro bếp, đạm, lân, kali, vôi bột Đạm, kali, NPK

16. Lượng phân bón trung bình cho 1 sào nghệ là:

Loại phân	Số lượng (kg)
Tro bếp	
Đạm urê	
Super lân	
Kali	
Vôi bột	

17. Ông/bà cho biết trong quá trình phát triển, cây nghệ có thường xuyên bị sâu bệnh hay không?

- Có Không

Nếu có, là những loại sâu bệnh nào?

Nêu cụ thể:.....

18. Cách phòng trừ:

- | | |
|--|-----------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Phun tay | <input type="checkbox"/> Phun máy |
| <input type="checkbox"/> Rải thuốc | <input type="checkbox"/> Kết hợp |
| <input type="checkbox"/> Khác (ghi cụ thể) | |

19. Sau khi trồng nghệ được khoảng 3 tháng ông/bà có tiến hành thu hồi củ nghệ giống không?

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
|-----------------------------|--------------------------------|

20. Đánh giá độ mất cảm của cây nghệ đối với sâu bệnh:

- | | |
|------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Bình thường |
| <input type="checkbox"/> Kém | |

21. Ông/bà có được hướng dẫn về cách phòng trừ sâu bệnh không?

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
|-----------------------------|--------------------------------|

Nếu có, ai là người hướng dẫn?

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Cán bộ khuyến nông | <input type="checkbox"/> Qua các lớp tập huấn |
| <input type="checkbox"/> Hàng xóm | <input type="checkbox"/> Khác (ghi cụ thể) |

22. Theo ông/bà cây nghệ thường được thu hoạch vào thời gian nào trong năm?

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Tháng 8 – 9 | <input type="checkbox"/> Tháng 10 – 12 |
| <input type="checkbox"/> Tháng 11 – tháng 2 năm sau | <input type="checkbox"/> Tháng 12 – tháng 3 năm sau |
| <input type="checkbox"/> Khác (ghi cụ thể) | |

23. Ông/bà thu hoạch nghệ theo phương pháp nào?

- | | |
|------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Dùng cuốc | <input type="checkbox"/> Dùng máy cày |
| <input type="checkbox"/> Kết hợp | <input type="checkbox"/> Khác (ghi cụ thể) |

24. Sau khi thu hoạch nghệ xong ông/bà bán nghệ tươi hay sơ chế?

- | | |
|--|---------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Bán nghệ tươi | <input type="checkbox"/> Sơ chế |
| <input type="checkbox"/> Cả 2 | |

25. Nếu sơ chế thì nguồn nguyên liệu ông/bà lấy ở đâu?

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Nghệ tại địa phương | <input type="checkbox"/> Nghệ mua ở vùng khác |
| <input type="checkbox"/> Nghệ vụn tại địa phương và nghệ mua ở nơi khác | |

26. Trong quá trình trồng nghệ ông/bà gặp những thuận lợi và khó khăn gì?

- Thuận lợi:

- Dễ trồng, cây sinh trưởng phát triển tốt
- Nghệ dễ tiêu thụ
- Bán được giá cao
- Chi phí đầu tư thấp
- Tất cả

- Khó khăn:

- Giá cả các loại phân và thuốc tăng cao
- Thiếu kỹ thuật chăm sóc nghệ
- Năng suất thấp
- Tất cả

III. Thị trường tiêu thụ sản phẩm

27. Hiện nay trên địa bàn có tổ chức/cá nhân nào thu mua nghệ không?

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |
|-----------------------------|--------------------------------|

28. Ông/bà có thường xuyên theo dõi các thông tin liên quan đến sản xuất và tiêu thụ nghệ không?

- Có Không

- Nếu có, ông/bà thường tham khảo giá cả sản phẩm từ các nguồn?

- Người thân, người quen trong xóm
 Nhân viên khuyến nông, lãnh đạo địa phương
 Chương trình TV, radio, sách báo
 Tại chợ
 Từ người thu gom hay mua buôn

29. Ông/bà cho biết gia đình ông/bà tiêu thụ nghệ dưới dạng nào là chủ yếu?

- Củ nghệ tươi Nghệ giống
 Nghệ khô thái lát Bột nghệ
 Tinh bột nghệ Khác (ghi cụ thể)

30. Ông/bà cho biết tiêu thụ nghệ/ các sản phẩm từ nghệ hiện nay có gặp khó khăn gì không?

- Chất lượng sản phẩm chưa đồng đều Thiếu nguyên liệu sơ chế
 Chưa có nhãn mác bao bì Khác (ghi cụ thể)

31. Theo ông/bà người tiêu dùng quan tâm đến yếu tố nào khi mua sản phẩm?

- Chất lượng sản phẩm
 Nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm
 Tem nhãn sản phẩm
 Giá bán
 Khác (ghi cụ thể)

32. Ông/ bà cho biết giá bán nghệ phụ thuộc vào các yếu tố nào sau đây?

- Mẫu mã, chất lượng
 Giá bán trên thị trường
 Đối tượng mua
 Khác (ghi cụ thể)

33. Ông/bà biết được người mua là do:

- Có sự giới thiệu của bạn bè, người quen
 Tự người mua tìm đến
 Tự đi tìm kiếm người mua
 Khác (ghi cụ thể)

34. Phương tiện vận chuyển nghệ đến nơi bán của ông/bà là gì?

- Xe đạp Xe máy
 Xe ba gác Ô tô
 Người thu mua tự đến vận chuyển

35. Hình thức thu mua của các tác nhân?

- Thỏa thuận miệng Theo hợp đồng
 Khác (ghi cụ thể)

36. Ông/bà thanh toán theo cách thức nào?

- Trả tiền ngay lúc lấy nghệ Trả tiền sau
 Trả 1 phần trước

37. Ông/bà bán buôn hay bán lẻ là chủ yếu?

- Bán buôn Bán lẻ

Cả 2

38. Thị trường tiêu thụ chủ yếu:

- Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên Các tỉnh phía Bắc
 Không cố định

39. Quy mô của ông/bà sẽ như thế nào trong thời gian tới?

- Tăng lên Giảm đi
 Giữ nguyên

IV. Nhu cầu tham gia mô hình tổ chức quản lý NHCN

40. Theo ông/bà nghệ Chí Tân được nhiều người biết đến?

- Có Không

41. Ông/bà có biết sở hữu trí tuệ và NHCN là gì không?

- Có Không

42. Ông/bà có sử dụng nhãn hiệu riêng cho sản phẩm nghệ không?

- Có Không

43. Ông/bà có biết về việc tham gia mô hình tổ chức, quản lý NHCN không?

- Có Không

- Nếu có, ông/bà biết thông tin từ đâu?

.....
44. Nếu mô hình quản lý và phát triển NHCN "Nghệ Chí Tân" được thành lập để hỗ trợ ông/bà về:

- Hỗ trợ quản lý và sử dụng thương hiệu "Nghệ Chí Tân"
- Bảo vệ thương hiệu các sản phẩm liên quan đến nghệ Chí Tân trên thị trường
- Hỗ trợ xây dựng hệ thống thương mại cho sản phẩm nghệ Chí Tân
- Hỗ trợ về tem nhãn, bao bì sản phẩm....

Thì ông bà có sẵn sàng tham gia vào mô hình này không?

- Có Không

45. Ông/bà đánh giá như thế nào đối với việc xây dựng NHCN "Nghệ Chí Tân"?

- Rất cần thiết Cần thiết
 Bình thường Không cần thiết

NGƯỜI KHẢO SÁT

NGƯỜI ĐƯỢC KHẢO SÁT

**PHỤ LỤC 4:
KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT**

PHIẾU ĐIỀU TRA	Tổng số phương án trả lời	Tỷ lệ %
Đánh giá quy mô hiện trạng, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, sơ chế, bảo quản, tiêu thụ các sản phẩm liên quan đến nghệ, nhu cầu tham gia tổ chức quản lý NHCN và đảm bảo tính khuyết danh		
A. Thông tin chung		
1. Họ và tên người cung cấp thông tin		
2. Giới tính	200	
<input type="checkbox"/> Nam	125	63%
<input type="checkbox"/> Nữ	75	38%
3. Địa chỉ		
4. Người điều tra		
5. Ngày tháng điều tra		
B. Nội dung khảo sát		
1. Ông/bà trồng cây nghệ vì lý do gì?	200	
Dễ trồng	62	31%
Hiệu quả kinh tế cao	62	31%
Phù hợp với đất	34	17%
Sản phẩm dễ tiêu thụ	42	21%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
2. Ông/bà cho biết giống nghệ ông/bà đang trồng?	216	
Nghệ vàng	14	6%
Nghệ đỏ	180	83%
Nghệ đen	2	1%
Cả 3	20	9%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
3. Diện tích ông/bà trồng nghệ là bao nhiêu?		
Diện tích (sào)	1553	8
4. Xin ông/bà cho biết gia đình ông/bà trồng/sản xuất/kinh doanh nghệ được bao nhiêu năm?	200	
Dưới 10 năm	0	0%
Khoảng 10 đến 20 năm	4	2%
Trên 20 năm	196	98%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
5. Ông bà có phân biệt được nghệ trồng ở Chí Tân với nghệ trồng ở các vùng khác không?	200	
Có	192	96%
Không	8	4%
6. Xin ông/bà cho biết năng suất trung bình của nghệ hiện nay là bao nhiêu?	200	
1 – 1,2 tấn/sào	42	21%
1,2 – 1,5 tấn/sào	134	67%

1,5 – 1,8 tấn/sào	24	12%
1,8 – 2 tấn/sào	0	0%
Trên 2 tấn/sào	0	0%
7. Ông/bà chuẩn bị giống bằng phương pháp gì?	200	
Tự đẻ giống	200	100%
Mua giống	0	0%
8. Ông/bà cho biết lượng giống cần cho 1 sào nghệ là bao nhiêu?	200	
2 – 2,5 tạ/sào	2	1%
2,5 – 3 tạ/sào	36	18%
3 – 3,5 tạ/sào	86	43%
3,5 – 4 tạ/sào	76	38%
Trên 4 tạ/sào	0	0%
9. Theo ông/bà cây nghệ thường được trồng vào thời gian nào trong năm?	200	
Tháng 2 - 3	16	8%
Tháng 3 – 4	142	71%
Tháng 2 – 4	42	21%
Tháng 5 – 6	0	0%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
10. Loại đất phù hợp để trồng nghệ theo ông/bà là loại đất nào?	200	
Đất thịt	0	0%
Đất phù sa nhẹ	24	12%
Đất pha cát	176	88%
Đất đồi	0	0%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
11. Giai đoạn chuẩn bị đất trồng nghệ theo ông/bà cần thực hiện những công việc gì?	285	
Xới đất	43	15%
Diệt cỏ	16	6%
Bón phân lót	39	14%
Bón vôi	30	11%
Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh cho đất	1	0%
Tất cả	156	55%
12. Ông/bà trồng xen canh hay là trồng thuần cây nghệ	200	
Xen canh	200	100%
Thuần nghệ	0	0%
Nếu trồng xen canh thì là cây trồng nào?		
13. Khoảng cách luống rộng bao nhiêu là hợp lý?	200	
0,8m	28	14%
1m	92	46%
1,2 m	80	40%

1,5 m	0	0%
14. Khoảng cách trồng hàng cách hàng theo ông/bà bao nhiêu là hợp lý?	200	
0,4 m x 0,4 m	66	33%
0,5m x 0,5m	116	58%
0,7m x 0,7m	18	9%
1m x 1m	0	0%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
15. Ông/bà cho biết các loại phân thường dùng cho cây nghệ là gì?	200	
Đạm, lân, kali	6	3%
Tro bếp, lân, kali	0	0%
Tro bếp, đạm, lân, kali, vôi bột	194	97%
Đạm, kali, NPK	0	0%
16. Lượng phân bón trung bình cho 1 sào nghệ là:		
Tro bếp	64550	323
Đạm urê	3635	18
Super lân	7155	36
Kali	885	4
Vôi bột	6595	33
17. Ông/bà cho biết trong quá trình phát triển, cây nghệ có thường xuyên bị sâu bệnh hay không?	200	
Có	8	4%
Không	192	96%
Nếu có, là những loại sâu bệnh nào?		
18. Cách phòng trừ:	200	
Phun tay	51	26%
Phun máy	147	74%
Rải thuốc	0	0%
Kết hợp	2	1%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
19. Sau khi trồng nghệ được khoảng 3 tháng ông/bà có tiến hành thu hồi củ nghệ giống không?	200	
Có	200	100%
Không	0	0%
20. Đánh giá độ miễn cảm của cây nghệ đối với sâu bệnh:	200	
Tốt	194	97%
Bình thường	6	3%
Kém	0	0%
21. Ông/bà có được hướng dẫn về cách phòng trừ sâu bệnh không?	200	
Có	184	92%
Không	16	8%
Nếu có, ai là người hướng dẫn?	184	

Cán bộ khuyến nông	74	40%
Qua các lớp tập huấn	76	41%
Hàng xóm	34	18%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
22. Theo ông/bà cây nghệ thường được thu hoạch vào thời gian nào trong năm?	200	
Tháng 8 – 9	0	0%
Tháng 10 – 12	92	46%
Tháng 11 – tháng 2 năm sau	68	34%
Tháng 12 – tháng 3 năm sau	40	20%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
23. Ông/bà thu hoạch nghệ theo phương pháp nào?	200	
Dùng cuốc	0	0%
Dùng máy cày	0	0%
Kết hợp	200	100%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
24. Sau khi thu hoạch nghệ xong ông/bà bán nghệ tươi hay sơ chế?	200	
Bán nghệ tươi	193	96.5%
Sơ chế	0	0%
Cả 2	7	3.5%
25. Nếu sơ chế thì nguồn nguyên liệu ông/bà lấy ở đâu?	7	
Nghệ tại địa phương	0	0%
Nghệ mua ở vùng khác	0	0%
Nghệ vụn tại địa phương và nghệ mua ở nơi khác	7	100%
26. Trong quá trình trồng nghệ ông/bà gặp những thuận lợi và khó khăn gì?		
Thuận lợi	201	
Dễ trồng, cây sinh trưởng phát triển tốt	89	44%
Nghệ dễ tiêu thụ	62	31%
Bán được giá cao	40	20%
Chi phí đầu tư thấp	0	0%
Tất cả	10	5%
Khó khăn	200	
Giá cả các loại phân và thuốc tăng cao	138	69%
Thiếu kỹ thuật chăm sóc nghệ	20	10%
Năng suất thấp	38	19%
Tất cả	4	2%
27. Hiện nay trên địa bàn có tổ chức/cá nhân nào thu mua nghệ không?	200	
Có	200	100%
Không	0	0%
28. Ông/bà có thường xuyên theo dõi các thông tin liên quan đến sản xuất và tiêu thụ nghệ không?	200	

Có	184	92%
Không	16	8%
- Nếu có, ông/bà thường tham khảo giá cả sản phẩm từ các nguồn?	184	
Người thân, người quen trong xóm	40	22%
Nhân viên khuyến nông, lãnh đạo địa phương	20	11%
Chương trình TV, radio, sách báo	16	9%
Tại chợ	24	13%
Từ người thu gom hay mua buôn	84	46%
29. Ông/bà cho biết gia đình ông/bà tiêu thụ nghệ dưới dạng nào là chủ yếu?	228	
Củ nghệ tươi	200	88%
Nghệ giống	13	6%
Nghệ khô thái lát	2	1%
Bột nghệ	6	3%
Tinh bột nghệ	7	3%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
30. Ông/bà cho biết tiêu thụ nghệ/ các sản phẩm từ nghệ hiện nay có gặp khó khăn gì không?	202	
Chất lượng sản phẩm chưa đồng đều	64	32%
Thiếu nguyên liệu sơ chế	7	3%
Chưa có nhãn mác bao bì	131	65%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
31. Theo ông/bà người tiêu dùng quan tâm đến yếu tố nào khi mua sản phẩm?	206	
Chất lượng sản phẩm	164	79.6%
Nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm	16	7.8%
Tem nhãn sản phẩm	1	0.5%
Giá bán	25	12.1%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
32. Ông/ bà cho biết giá bán nghệ phụ thuộc vào các yếu tố nào sau đây?	200	
Mẫu mã, chất lượng	94	47%
Giá bán trên thị trường	100	50%
Đối tượng mua	6	3%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
33. Ông/bà biết được người mua là do:	200	
Có sự giới thiệu của bạn bè, người quen	67	33.5%
Tự người mua tìm đến	125	62.5%
Tự đi tìm kiếm người mua	8	4%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
34. Phương tiện vận chuyển nghệ đến nơi bán của ông/bà là gì?	200	
Xe đạp	0	0%

Xe máy	0	0%
Xe ba gác	0	0%
Ô tô	48	24%
Người thu mua tự đến vận chuyên	152	76%
35. Hình thức thu mua của các tác nhân?	200	
Thỏa thuận miệng	18	9%
Theo hợp đồng	182	91%
Khác (ghi cụ thể)	0	0%
36. Ông/bà thanh toán theo cách thức nào?	200	
Trả tiền ngay lúc lấy nghệ	176	88%
Trả tiền sau	16	8%
Trả 1 phần trước	8	4%
37. Ông/bà bán buôn hay bán lẻ là chủ yếu?	200	
Bán buôn	144	72%
Bán lẻ	0	0%
Cả 2	56	28%
38. Thị trường tiêu thụ chủ yếu:	200	
Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	4	2%
Các tỉnh phía Bắc	182	91%
Không cố định	14	7%
39. Quy mô của ông/bà sẽ như thế nào trong thời gian tới?	200	
Tăng lên	46	23%
Giảm đi	4	2%
Giữ nguyên	150	75%
40. Theo ông/bà nghệ Chí Tân được nhiều người biết đến?	200	
Có	186	93%
Không	14	7%
41. Ông/bà có biết sở hữu trí tuệ và NHCN là gì không?	200	
Có	52	26%
Không	148	74%
42. Ông/bà có sử dụng nhãn hiệu riêng cho sản phẩm nghệ không?	200	
Có	4	2%
Không	196	98%
43. Ông/bà có biết về việc tham gia mô hình tổ chức, quản lý NHCN không?	200	
Có	44	22%
Không	156	78%
- Nếu có, ông/bà biết thông tin từ đâu?		
44. Nếu mô hình quản lý và phát triển NHCN "Nghệ Chí Tân" được thành lập để hỗ trợ ông/bà về:	200	
Có	194	97%
Không	6	3%

45. Ông/bà đánh giá như thế nào đối với việc xây dựng NHCN "Nghệ Chí Tân"?	200	
Rất cần thiết	6	3%
Cần thiết	190	95%
Bình thường	2	1%
Không cần thiết	2	1%